

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



BẢN ĐẶC TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN
ĐỊA LÝ

TÊN TIẾNG ANH: THEORY AND TRAINING METHODOLOGY

MÃ NGÀNH: 8140111

KHỐI NGÀNH: KHOA HỌC GIÁO DỤC

KHOA QUẢN LÝ: KHOA ĐỊA LÝ

TRÌNH ĐỘ: THẠC SĨ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU/ỨNG DỤNG

Đà Nẵng, tháng 8/2022

MỤC LỤC

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT	1
B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, TẦM NHÌN VÀ SỨ MẠNG	3
I. Triết lý giáo dục.....	4
II. Tầm nhìn	5
III. Sứ mạng	5
C. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	6
I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)	6
II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes: PLOs)	6
III. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	9
IV. Ma trận đối sánh CDR CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam	10
V. Cơ hội việc làm và khả năng học tập sau thạc sĩ	11
VI. Tiêu chí tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp.....	12
VII. Chiến lược giảng dạy và học tập	14
D. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	17
I. Cấu trúc chương trình đào tạo	17
II. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức	18
III. Sơ đồ cây chương trình đào tạo	23
E. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁCH THỨC, CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	24
I. Quy trình đào tạo	24
II. Cách thức và công cụ đánh giá	25
F. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN	27
G. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN: (XEM PHỤ LỤC 1).....	38
H. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	38
K. ĐÁNH GIÁ VÀ CẬP NHẬT, CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	38
I. Cập nhật chương trình đào tạo	38
II. Đánh giá chương trình đào tạo	38
PHỤ LỤC	197
PHỤ LỤC 2. RUBRIC CÁC HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN.....	197

R.01. Rubric đánh giá chuyên cần - tham gia hoạt động.....	197
R.02. Rubric đánh giá bài tập cá nhân.....	198
R.03. Rubric đánh giá tiểu luận cá nhân.....	198
R.04. Rubric đánh giá tiểu luận nhóm.....	200
R.05. Rubric đánh giá bài thuyết trình nhóm.....	202
R.06. Kiểm tra tự luận.....	204
R.07. Rubric đánh giá Đề án/Luận văn tốt nghiệp.....	205
R.08. Rubric đánh giá Thực tập tốt nghiệp.....	209
PHỤ LỤC 3: BẢNG ĐỐI SÁNH CTĐT VỚI CÁC CTĐT KHÁC.....	212
PHỤ LỤC 3. PHÂN BỐ TRÌNH TỰ GIẢNG DẠY THEO CHỦ ĐỀ CDR.....	218
PHỤ LỤC 4: TRÌNH TỰ GIẢNG DẠY CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA.....	224
PHỤ LỤC 5: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN.....	252

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 685/QĐ-ĐHSP ngày 03 tháng 06 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng)

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

Chương trình đào tạo (CTĐT) Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn trình độ Thạc sĩ được ban hành và áp dụng tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng theo Quyết định số 685/QĐ-ĐHSP ngày 03 tháng 06 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

Chương trình được xây dựng trên cơ sở đối sánh với khung năng lực trình độ quốc gia và khảo sát ý kiến của học viên, cựu học viên, giảng viên, nhà quản lý và người sử dụng lao động. Việc xem xét xác định các học phần, thời lượng học phần để đưa vào khung chương trình đào tạo và xây dựng kế hoạch giảng dạy được tiến hành một cách cụ thể và từng bước được hoàn thiện. Đặc biệt, sau khi tiến hành đối sánh chương trình đào tạo hiện hành với các chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục khác và tham khảo ý kiến đóng góp của các bên liên quan, nhiều học phần mới đã được đưa vào chương trình đào tạo, thời lượng các học phần, nội dung giảng dạy các học phần trong chương trình đã được xác định phù hợp nhằm đảm bảo tăng cường trang bị cho học viên những kiến thức, năng lực, phẩm chất, đảm bảo đáp ứng được những yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động chuyên môn khác liên quan đến chuyên ngành.

CTĐT ngành do khoa Vật lý, trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng quản lý; CTĐT chuyên ngành do khoa Địa lý – Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng quản lý. Một đơn vị giáo dục có nhiều kinh nghiệm và năng lực trong việc đào tạo bậc đại học và sau đại học.

Khoa Địa lý, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, tiền thân là Ban Sử - Địa - Tâm lý Giáo dục được thành lập vào ngày 03/11/1976. Trải qua hơn 45 năm xây dựng và phát triển với nhiều lần tách nhập, thay đổi tên gọi, ngày 07 tháng 01 năm 2005, Giám đốc Đại học Đà Nẵng đã ban hành quyết định thành lập Khoa Địa lý trên cơ sở tách ra từ Khoa Sử - Địa trực thuộc Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Từ đó đến nay Khoa đã đào tạo được hơn 47 khoá Cao đẳng sư phạm, Đại học hệ chính qui và vừa học vừa làm, phục vụ trên khắp mọi miền Tổ quốc. Khoa hiện đang quản lý 2 ngành đào tạo đại học là: Sư phạm Lịch sử, Địa lý học, 1 ngành đào tạo sau đại học trình độ Thạc sĩ là Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn.

Để đáp ứng những yêu cầu đổi mới các ngành đào tạo, đội ngũ cán bộ giảng dạy và cơ sở vật chất của Khoa ngày càng được chú trọng đầu tư nâng cao. Hiện nay, đội ngũ đào tạo của Khoa Địa lý là 15 người, trong đó có 8 tiến sĩ, 6 thạc sĩ. Các giảng viên trong khoa đã

có nhiều công trình nghiên cứu khoa học các cấp. Khoa Địa lý có một đội ngũ giảng viên cơ hữu và liên kết có đủ năng lực để xây dựng chương trình, bài giảng, hướng dẫn học sinh viên, học viên thực hiện đề tài khóa luận tốt nghiệp, Luận văn thạc sĩ.

Bảng 1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1.	Tên chương trình đào tạo (tên tiếng Việt)	Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Địa lí
2.	Tên chương trình đào tạo (tên tiếng anh)	Theory and methods of teaching Geography
3.	Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4.	Mã ngành đào tạo	8140111
5.	Đối tượng tuyển sinh	Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Địa lí hoặc tương đương theo Quy định hiện hành.
6.	Thời gian đào tạo	2 năm (học kì)
7.	Loại hình đào tạo	Chính quy
8.	Chương trình đào tạo	Định hướng ứng dụng/ nghiên cứu
9.	Số tín chỉ yêu cầu	60 tín chỉ
10.	Khoa quản lý chuyên ngành	Địa lí
11.	Ngôn ngữ:	Tiếng Việt
12.	Website:	https://geo.ued.udn.vn
13	Thang điểm	Thang 4
14	Điều kiện tốt nghiệp:	Học viên sẽ được cấp bằng Thạc sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn sau khi thỏa mãn các điều kiện quy định tại Thông tư số: 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, về Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ
15	Văn bằng tốt nghiệp:	Bằng Thạc sĩ
16.	Vị trí việc làm:	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên dạy môn Địa lí, môn Lịch sử và Địa lí trong các cơ sở giáo dục trung học. - Giảng viên dạy môn Địa lí tại các trường Trung cấp, Cao đẳng và Đại học. - Cán bộ nghiên cứu khoa học về Lí luận và PPDH bộ môn Địa lí trong các trung tâm, viện nghiên cứu giáo dục.

		- Cán bộ quản lí, chuyên viên trong các cơ quan quản lý giáo dục các cấp.
17.	Khả năng nâng cao trình độ	Sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng học tiếp chương trình đào tạo tiến sĩ thuộc ngành Lí luận và PPDH bộ môn, hoặc LL&PPDH bộ môn Địa lí hoặc tiến sĩ Quản lý giáo dục ở trong và ngoài nước.
18.	Chương trình đào tạo tiên tiến đã tham khảo	- Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành LL và PPDH bộ môn Địa lí, Trường ĐHSP – Đại học Huế. - Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành LL và PPDH bộ môn Địa lí, Trường ĐHSP Hà Nội.
19	Thời điểm cập nhật bản chương trình đào tạo	5 năm/lần

B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, TẦM NHÌN VÀ SỨ MẠNG

Trường Đại học Sư phạm (<http://www.ued.udn.vn/>) là cơ sở giáo dục đại học thành viên của Đại học Đà Nẵng, được thành lập theo Nghị định số 32/CP ngày 04-04-1994 của Thủ tướng Chính phủ. Trường Đại học Sư phạm có chức năng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên các cấp; đào tạo cử nhân khoa học; đào tạo sau đại học; giảng dạy các môn khoa học cơ bản cho các trường thành viên của Đại học Đà Nẵng; nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố trong cả nước, đặc biệt là khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

Tính đến thời điểm tháng 7 năm 2021, Trường Đại học Sư phạm có 13 Khoa với đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ chuyên môn, năng lực, phẩm chất tốt. Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật được đầu tư theo hướng hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục. Nhà trường cũng đa dạng hóa và mở rộng loại hình đào tạo. Bên cạnh đào tạo Đại học bậc chính quy, Nhà trường cũng mở rộng đào tạo sau đại học. Đào tạo hệ vừa làm vừa học cũng như đào tạo lưu người học nước ngoài cũng được đặc biệt quan tâm. Công tác nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế cũng có những bước tiến mới.

Qua hơn 45 năm xây dựng, phát triển và hơn 20 năm là thành viên của Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Sư phạm đã đào tạo được hàng trăm thạc sĩ và tiến sĩ, hàng chục nghìn cử nhân sư phạm và cử nhân khoa học; chuẩn hoá gần hàng nghìn giáo viên các cấp, đào tạo nhiều cán bộ quản lý giáo dục.

Trong giai đoạn hiện nay, Trường Đại học Sư phạm không ngừng nâng cao chất lượng trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học để hội nhập với trình độ giáo dục đại học ở khu vực và trên thế giới. Phấn đấu đến năm 2021, trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu, tư vấn về khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và khoa học xã hội - nhân văn có uy tín ngang tầm với các cơ sở đào tạo đại

học trong nước và khu vực Đông Nam Á, được các trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục có uy tín thừa nhận.

Để thực hiện tốt mục tiêu chiến lược nêu trên, tập thể cán bộ, giảng viên Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng tiếp tục phấn đấu để thực hiện tốt những triết lý giáo dục, tầm nhìn và sứ mạng sau:

I. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của Trường

Triết lý giáo dục có tầm quan trọng đặc biệt trong chiến lược phát triển giáo dục & đào tạo. Ở các trường đại học, việc xây dựng một triết lý giáo dục phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển sẽ tạo tiền đề quan trọng để xây dựng mục tiêu, chiến lược, nhiệm vụ GD&ĐT đúng đắn

Trường Đại học sư phạm – ĐHQĐN với triết lý giáo dục: “*Toàn diện – Khai phóng – Sáng tạo – Thực nghiệp*”, hướng tới mục tiêu đào tạo con người toàn diện, có trách nhiệm với xã hội, phục vụ cộng đồng, phát huy năng lực, bản lĩnh của mình trong lĩnh vực chuyên môn và đời sống xã hội; không ngừng tìm tòi, nghiên cứu sáng tạo. Cụ thể:

- **Giáo dục toàn diện:** Toàn diện được hiểu là tất cả các mặt, các khía cạnh và GD toàn diện chính là quá trình truyền thụ những tri thức, những kinh nghiệm, những kỹ năng... đồng thời bồi dưỡng những phẩm chất đạo đức cần thiết và chuẩn bị tâm thế cho người học đi vào cuộc sống lao động tự lập, góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước. Từ đó hướng tới việc sản phẩm được đào tạo phải có đầy đủ các yếu tố Đức - Trí - Thể - Mỹ, đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế. Để thực hiện triết lý về giáo dục toàn diện, nhà trường đã tổ chức thực hiện chương trình giáo dục đảm bảo thực hiện các nội dung giáo dục toàn diện cho SV.

- **Giáo dục khai phóng:** Giáo dục hướng tới xây dựng cho người học một nền tảng kiến thức rộng, cung cấp những kỹ năng cần thiết giúp lĩnh hội và vận dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau, đồng thời có chuyên môn sâu ở một lĩnh vực nhất định.

Với triết lý giáo dục khai phóng, trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng đang đi theo xu hướng của tiếp cận giáo dục hiệu đại và hiệu quả các các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Giáo dục khai phóng tạo ra thế hệ SV không chỉ vững về tri thức chuyên môn mà còn có các kỹ năng của công dân toàn cầu để thích ứng, giải quyết vấn đề hiệu quả, vận dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau của cuộc sống.

- **Giáo dục sáng tạo:** Giáo dục hướng tới hình thành tư duy sáng tạo, độc lập là cơ sở để tạo ra những phát kiến, phát minh khoa học trong nghiên cứu và giảng dạy của người học. Sáng tạo được coi là đặc tính riêng có của con người, và là yêu cầu cần thiết đối với người làm khoa học, hướng tới phát huy tối đa khả năng của người học thông qua các hoạt động nghiên cứu và triển khai áp dụng các nghiên cứu vào thực tế đời sống.

Để thực hiện triết lý giáo dục sáng tạo nhà trường cần thực hiện: (1) Thiết lập môi

trường giáo dục khuyến khích, tạo điều kiện cho việc hình thành, phát huy, phát triển năng lực sáng tạo của người học; (2) SV được trang bị tri thức và kỹ năng của Sáng tạo học, Phương pháp luận sáng tạo từ đơn giản đến phức tạp phù hợp; 3/ Nội dung chương trình đào tạo các ngành và nội dung các môn học được soạn theo hướng kích thích tư duy sáng tạo với những câu hỏi sáng tạo phù hợp với trình độ của người học; 4/ Giảng viên: truyền cảm hứng sáng tạo, đam mê sáng tạo và gợi mở tư duy sáng tạo cho người học ở những môn học phù hợp; 5/ Tri thức, kỹ năng, công nghệ truyền cho người học với quan điểm: mọi tri thức, kỹ năng, công nghệ được truyền dạy đều tồn tại những hạn chế, thiếu sót, chưa đầy đủ. 6/ Đánh giá kết quả giáo dục hướng tới việc đánh giá khả năng sáng tạo, vận dụng của SV trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp hướng tới.

- **Giáo dục thực nghiệp:** Giáo dục hướng tới hình thành khả năng thực hành, vận dụng thực tiễn, hiệu quả những kiến thức được tiếp cận từ nhà trường trong quá trình học tập và làm việc sau tốt nghiệp. Triết lý giáo dục thực nghiệp giúp cụ thể hóa và thực hiện nguyên lý giáo dục: “Học đi đôi với hành”; “giáo dục gắn liền với lao động sản xuất”

Để thực hiện triết lý giáo dục thực nghiệp nhà trường cần xây dựng chương trình đào tạo tăng cường các hoạt động thực hành, thực tế, trải nghiệm nghề nghiệp tại các cơ sở lao động thực tiễn; nội dung các môn học trong chương trình đào tạo cần bám sát yêu cầu của thực tiễn đời sống xã hội và nghề nghiệp; sử dụng các chiến lược dạy học, phương pháp dạy học tích cực hướng tới hình thành các năng lực để áp dụng vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp. Triết lý giáo dục thực nghiệp chú trọng đến chất lượng đào tạo, gắn giáo dục với thực tiễn, nhu cầu lao động, lấy hiệu quả, chất lượng hoạt động của người học làm thước đo.

II. Tầm nhìn

Tầm nhìn của Trường

Tầm nhìn của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng là: *“Đến năm 2025, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng trở thành trường sư phạm trọng điểm quốc gia; đào tạo, nghiên cứu khoa học đạt chuẩn chất lượng khu vực Đông Nam Á trên một số lĩnh vực mũi nhọn; tham vấn có hiệu quả các chủ trương, chính sách về giáo dục và đào tạo”*.

Để đạt được tầm nhìn nêu trên Nhà trường cung cấp cho người học một môi trường giáo dục dân chủ, công khai, minh bạch, thân thiện và có tính chuyên môn cao, đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực làm việc, kỹ năng hợp tác, hội nhập đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội hiện đại.

III. Sứ mạng

Sứ mạng của Trường

Sứ mạng của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng là: *“Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó đào tạo giảng viên là nòng cốt; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa*

học xã hội và nhân văn; phục vụ cho sự phát triển đất nước trọng tâm là khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

C. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)

1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Địa lí có kiến thức sâu rộng, cập nhật, liên ngành trong giáo dục Địa lí; có năng lực tổ chức, quản trị và quản lí các hoạt động dạy học, giáo dục tiên tiến; có năng lực nghiên cứu, đề xuất những sáng kiến, đưa ra các kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực công tác; có phẩm chất đạo đức, tư duy sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời.

2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Định hướng nghiên cứu

PO1. Có kiến thức chuyên sâu về khoa học giáo dục, khoa học chuyên ngành phục vụ hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập suốt đời.

PO2. Có năng lực giảng dạy, giáo dục và tổ chức, quản trị, quản lí các hoạt động dạy học Địa lí tiên tiến.

PO3. Có năng lực nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến, những kết luận quan trọng mang tính chuyên gia trong giáo dục Địa lí.

PO4. Có phẩm chất, đạo đức nhà giáo; có kĩ năng làm việc độc lập, phục vụ cộng đồng, tư duy sáng tạo và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.

1.2.2. Định hướng ứng dụng

PO1. Có kiến thức chuyên sâu về khoa học giáo dục, khoa học chuyên ngành phục vụ hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập suốt đời.

PO2. Có năng lực giảng dạy, giáo dục và tổ chức, quản trị, quản lí các hoạt động dạy học Địa lí tiên tiến.

PO3. Có năng lực ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học sư phạm vào cải tiến hoạt động dạy học Địa lí ở các cơ sở giáo dục.

PO4. Có phẩm chất, đạo đức nhà giáo; có kĩ năng làm việc độc lập, phục vụ cộng đồng, tư duy sáng tạo và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes: PLOs)

2.1. Định hướng nghiên cứu

Khi tốt nghiệp Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Địa lí theo định hướng nghiên cứu, người học đạt được các chuẩn đầu ra như sau:

PLO1. Vận dụng kiến thức chuyên sâu của khoa học liên ngành và khoa học giáo dục vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục Địa lí ở các cơ sở giáo dục

PI1.1. Vận dụng được kiến thức khoa học liên ngành chuyên sâu vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục Địa lí.

PI1.2. Vận dụng được kiến thức khoa học giáo dục chuyên sâu vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục Địa lí.

PLO2. Thiết kế các hoạt động dạy học và giáo dục môn Địa lí phát triển phẩm chất, năng lực người học

PI2.1. Lựa chọn được phương pháp dạy học hiệu quả phát triển phẩm chất và năng lực của người học.

PI2.2. Thiết kế được các công cụ đánh giá và cải tiến hoạt động dạy học và giáo dục môn Địa lí

PI2.3. Xây dựng linh hoạt kế hoạch dạy học và giáo dục môn Địa lí phát triển phẩm chất, năng lực người học.

PI2.4. Điều chỉnh được kế hoạch dạy học và giáo dục Địa lí phát triển phẩm chất, năng lực người học.

PLO3. Quản trị các hoạt động dạy học và giáo dục môn Địa lí ở các cơ sở giáo dục

PI3.1. Tổ chức chuyên nghiệp các hoạt động đổi mới dạy học và giáo dục môn Địa lí.

PI3.2. Quản lí hiệu quả các hoạt động dạy học và giáo dục môn Địa lí.

PLO4. Xây dựng và phát triển chương trình giáo dục môn Địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

PI4.1. Phân tích được kế hoạch giáo dục nhà trường.

PI4.2. Phát triển chương trình giáo dục môn Địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

PI4.3. Thiết kế nội dung giáo dục địa phương gắn với môn Địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

PLO5. Thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học ở các cơ sở giáo dục

PI5.1. Đề xuất được các vấn đề nghiên cứu trong dạy học và giáo dục.

PI5.2. Lập kế hoạch và triển khai được hoạt động nghiên cứu trong dạy học và giáo dục.

PI5.3. Đánh giá và đề xuất được những sáng kiến, cải tiến và kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.

PLO6. Ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực nghề nghiệp

PI 6.1. Ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin trong nghiên cứu và dạy học Địa lí.

PI 6.2. Sử dụng ngoại ngữ theo trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam

PLO7. Thể hiện phẩm chất, đạo đức nhà giáo, phục vụ cộng đồng, tư duy sáng tạo, mức độ tự chủ và khả năng thích ứng với môi trường làm việc thay đổi

PI7.1. Thể hiện được phẩm chất, tác phong nhà giáo, đạo đức nghiên cứu và phục vụ cộng đồng

PI7.2. Thể hiện mức độ thích ứng, tự chủ, sáng tạo trong truyền đạt tri thức, hướng dẫn đồng nghiệp phát triển năng lực chuyên môn nghiệp vụ

2.2. Định hướng ứng dụng

Khi tốt nghiệp Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Địa lí theo định hướng ứng dụng, người học đạt được các chuẩn đầu ra như sau:

PLO1. Vận dụng kiến thức chuyên sâu của khoa học liên ngành và khoa học giáo dục vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục Địa lí ở các cơ sở giáo dục

PI1.1. Vận dụng được kiến thức khoa học liên ngành chuyên sâu vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục Địa lí

PI1.2. Vận dụng được kiến thức khoa học giáo dục chuyên sâu vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục Địa lí

PLO2. Thiết kế các hoạt động dạy học và giáo dục môn Địa lí phát triển phẩm chất, năng lực người học.

PI2.1. Lựa chọn được phương pháp dạy học hiệu quả phát triển phẩm chất và năng lực của người học.

PI2.2. Thiết kế được các công cụ đánh giá và cải tiến hoạt động dạy học và giáo dục môn Địa lí

PI2.3. Xây dựng linh hoạt kế hoạch dạy học và giáo dục môn Địa lí phát triển phẩm chất, năng lực người học.

PI2.4. Điều chỉnh được kế hoạch dạy học và giáo dục Địa lí phát triển phẩm chất, năng lực người học.

PLO3. Quản trị các hoạt động dạy học và giáo dục môn Địa lí ở các cơ sở giáo dục

PI3.1. Tổ chức chuyên nghiệp các hoạt động đổi mới dạy học và giáo dục môn Địa lí

PI3.2. Quản lí hiệu quả các hoạt động dạy học và giáo dục môn Địa lí.

PLO4. Xây dựng và phát triển chương trình giáo dục môn Địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

PI4.1. Phân tích kế hoạch giáo dục nhà trường.

PI4.2. Phát triển chương trình giáo dục môn Địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

PI4.3. Thiết kế nội dung giáo dục địa phương gắn với môn Địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

PLO5. Ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn dạy học và giáo dục

PI5.1. Phát hiện được các vấn đề nảy sinh từ thực tiễn dạy học và giáo dục.

PI5.2. Ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn dạy học và giáo dục.

PI5.3. Đề xuất được những sáng kiến trong dạy học và giáo dục.

PLO6. Ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực nghề nghiệp

PI 6.1. Ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin trong nghiên cứu và dạy học Địa lí.

PI 6.2. Sử dụng ngoại ngữ theo trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

PLO7. Thể hiện phẩm chất, đạo đức nhà giáo, phục vụ cộng đồng, tư duy sáng tạo, mức độ tự chủ và khả năng thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.

PI7.1. Thể hiện được phẩm chất, tác phong nhà giáo, đạo đức nghiên cứu và phục vụ cộng đồng.

PI7.2. Thể hiện mức độ thích ứng, tự chủ, sáng tạo trong truyền đạt tri thức, hướng dẫn đồng nghiệp phát triển năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

III. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng dưới cho thấy học viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

3.1. Định hướng nghiên cứu

Bảng 2a. Liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra theo định hướng nghiên cứu

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT							
		1	2	3	4	5	6	7	8
Mục tiêu chung: Đào tạo thạc sĩ ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Địa lí có kiến thức sâu rộng, cập nhật, liên ngành trong giáo dục Địa lí; có năng lực tổ chức, quản trị và quản lí các hoạt động dạy học, giáo dục tiên tiến; có năng lực nghiên cứu, đề xuất những sáng kiến, đưa ra các kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực công tác; có phẩm chất đạo đức, tư duy sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời.									
Mục tiêu cụ thể:									
PO1	Có kiến thức chuyên sâu về khoa học giáo dục, khoa học chuyên ngành phục vụ hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập suốt đời.	X							
PO2	Có năng lực giảng dạy, giáo dục và tổ chức, quản trị, quản lí các hoạt động dạy học Địa lí tiên tiến.		X	X			X		X
PO3	Có năng lực nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến, những kết luận quan trọng mang tính chuyên gia trong giáo dục Địa lí.				X	X			X
PO4	Có phẩm chất, đạo đức nhà giáo; có kĩ năng làm việc độc lập, phục vụ cộng đồng, tư duy sáng tạo và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi							X	

3.2. Định hướng ứng dụng

Bảng 2b. Liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra theo định hướng ứng dụng

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT							
		1	2	3	4	5	6	7	8
Mục tiêu chung: Đào tạo thạc sĩ ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Địa lí có kiến thức sâu rộng, cập nhật, liên ngành trong giáo dục Địa lí; có năng lực tổ chức, quản trị và quản lí các hoạt động dạy học, giáo dục tiên tiến; có năng lực nghiên cứu, đề xuất những sáng kiến, đưa ra các kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực công tác; có phẩm chất đạo đức, tư duy sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời.									
Mục tiêu cụ thể:									

PO1	Có kiến thức chuyên sâu về khoa học giáo dục, khoa học chuyên ngành phục vụ hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập suốt đời.	X							
PO2	Có năng lực giảng dạy, giáo dục và tổ chức, quản trị, quản lí các hoạt động dạy học Địa lí tiên tiến.		X	X			X		X
PO3	Có năng lực ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học sư phạm vào cải tiến hoạt động dạy học Địa lí ở các cơ sở giáo dục.				X	X			X
PO4	Có phẩm chất, đạo đức nhà giáo; có kĩ năng làm việc độc lập, phục vụ cộng đồng, tư duy sáng tạo và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi							X	

IV. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam

Bảng 3. Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Thạc sĩ

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
<p>KT1: Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.</p> <p>KT2: Kiến thức liên ngành có liên quan.</p> <p>KT3: Kiến thức chung về quản trị và quản lý.</p>	<p>KN1: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học;</p> <p>KN2: Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.</p> <p>KN3: Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.</p> <p>KN4: Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.</p> <p>KN5: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.</p>	<p>TCTN1: Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.</p> <p>TCTN2: Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.</p> <p>TCTN3: Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.</p> <p>TCTN4: Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.</p>

Bảng 2. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

- Định hướng nghiên cứu

CDR theo Khung trình độ QG	Kiến thức			Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO 1	x	x	x									
PLO 2									x	x		
PLO 3						x				x		
PLO 4			x	x	x				x		x	
PLO 5	x	x		x	x			x	x		x	x
PLO 6							x	x				
PLO 7		x			x				x	x		

• **Định hướng ứng dụng**

CDR theo Khung trình độ QG	Kiến thức			Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO 1	x	x										
PLO 2	x	x							x	x		
PLO 3			x		x	x						x
PLO 4				x	x							
PLO 5	x	x			x		x		x	x	x	x
PLO 6							x	x				
PLO 7		x			x				x	x		

V. Cơ hội việc làm và khả năng học tập sau thạc sĩ

1. Cơ hội việc làm

Học viên tốt nghiệp từ CTĐT chuyên ngành LL&PPDH bộ môn Địa lý trình độ Thạc sĩ có thể làm các công việc:

- Giáo viên dạy môn Địa lí, môn Lịch sử và Địa lí ở các trường trung học.
- Giảng viên dạy môn Địa lí tại các trường Trung cấp, Cao đẳng và Đại học.
- Cán bộ nghiên cứu khoa học về Lí luận và PPDH bộ môn Địa lí trong các trung tâm, viện nghiên cứu về giáo dục.
- Cán bộ quản lí, chuyên viên trong các cơ quan quản lý giáo dục các cấp.

2. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Học viên có thể tiếp tục làm nghiên cứu sinh để nhận học vị tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Địa lí, Quản lí Giáo dục.

VI. Tiêu chí tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành kèm theo Quyết định số 2095/QĐ-ĐHSP ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng; đối tượng dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ phải đảm bảo các điều kiện sau:

1.1. Về văn bằng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng kí dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng kí dự thi nhưng đã tốt nghiệp nhiều năm tính đến thời điểm dự thi hoặc có bằng do cơ sở đào tạo khác cấp, đã học bổ sung kiến thức theo quy định;

c) Người tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng kí dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ và đã học bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo;

e) Người tốt nghiệp đại học theo hình thức không chính quy tốt nghiệp từ loại khá trở lên hoặc người tốt nghiệp loại trung bình và có thêm một bằng tốt nghiệp đại học khác được dự thi vào ngành đào tạo trình độ thạc sĩ đúng với ngành tốt nghiệp đại học; hoặc ngành đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc lĩnh vực quản trị, quản lí sau khi đã học bổ sung kiến thức;

f) Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành; đối với các thí sinh cần học các học phần bổ sung thí sinh phải đăng ký học tại cơ sở đào tạo và có bằng điểm môn học trước khi dự thi cao học.

1.2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn:

a) Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành cao học; người có bằng gần với ngành đăng kí đã học bổ sung kiến thức theo quy định được đăng kí dự thi không yêu cầu kinh nghiệm công tác chuyên môn;

1.3. Lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lí nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

1.4. Có đủ sức khoẻ để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học theo quy định tại điểm e Khoản 1, điều 9 của Quy định này, Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học.

1.5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo.

Bảng 5: Danh mục ngành phù hợp, ngành gần và các học phần cần bổ sung tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Địa lí

STT	Chuyên ngành	Học phần bổ sung kiến thức
Chuyên ngành phù hợp		
1.	Sư phạm Địa lí bậc đại học	Không
Chuyên ngành gần		
2.	Cử nhân Địa lí học Cử nhân Địa lí	Tâm lí học đại cương (4TC); Giáo dục học (3TC); Lí luận dạy học Địa lí (3TC); Phương pháp dạy học Địa lí (3TC)
3.	Cử nhân Sư phạm Lịch sử và Địa lí	Lí luận dạy học Địa lí (3TC) Phương pháp dạy học Địa lí (3TC)

*** Về thâm niên công tác chuyên môn**

Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành cao học; người có bằng gần với ngành đăng ký đã học bổ sung kiến thức theo quy định được đăng ký dự thi không yêu cầu kinh nghiệm công tác chuyên môn.

*** Về điều kiện sức khỏe**

Có giấy xác nhận đủ sức khỏe học tập của cơ quan y tế có trách nhiệm.

*** Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo**

*** Đối tượng ưu tiên**

1. Đối tượng ưu tiên

a. Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c. Con liệt sĩ;

d. Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

e. Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, mục này;

f. Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định và cộng một điểm (thang điểm 10) cho một trong hai môn thi hoặc kiểm tra quy định tại Điểm b, c Khoản 1, Điều 5 Quy định này, do cơ sở đào tạo quy định.

2. Điều kiện tốt nghiệp

Học viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

1. Đã hoàn thành các học phần của CTĐT và bảo vệ luận văn, đề án đạt yêu cầu;
2. Đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4 (Khung NLNN 6 bậc của Việt Nam) trước thời điểm xét tốt nghiệp.

VII. Chiến lược giảng dạy và học tập

Nhằm giúp học viên đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lí, trình độ Thạc sĩ, trường đã thiết kế các chiến lược và phương pháp dạy học cụ thể như sau:

1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và học viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được CTĐT ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lí trình độ Thạc sĩ áp dụng gồm phương pháp: Thuyết trình, trình diễn mẫu/Thực hành.

Thuyết trình là phương pháp dạy học mà giảng viên sử dụng ngôn ngữ để trình bày, giải thích một nội dung kiến thức (thông qua tài liệu học tập) một cách có hệ thống, lôgic. Là phương pháp dạy học khá phổ biến ở đại học và sau đại học, dễ thực hiện đối với giảng viên và ít đòi hỏi về phương tiện dạy học. Phương pháp này chủ yếu được vận dụng để truyền đạt nhưng tri thức cơ bản điển hình của bài học.

Trình diễn mẫu/Thực hành là hình thức giảng viên biểu diễn mẫu các quy trình thao tác gắn với việc trình bày, giải thích của giảng viên. Nó giúp học viên quan sát trực quan cũng như chuẩn bị cho người học về lí luận và thực tiễn đối với việc thực hiện những tiến trình hoạt động nhất định. Trong quá trình trình diễn giảng viên gắn hình thức của thuyết trình với việc làm mẫu các hành động cụ thể hoặc giới thiệu các vật phẩm, đồ dùng trực quan. Vì vậy phương pháp dạy học này thường được giảng viên vận dụng trong các học phần nghiệp vụ, giúp học viên có những hình dung rõ nét nhất về quy trình để rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp.

Thực hành là phương pháp dạy học giảng viên sử dụng để hướng dẫn học viên thực hiện một hoạt động học tập cụ thể. Từ đó, giúp học viên có những trải nghiệm thực

tế từ quá trình vận dụng kiến thức đã học để hình dung những khó khăn, thuận lợi, những vấn đề cần lưu ý để triển khai vấn đề đó trong thực tiễn.

2. Chiến lược dạy học gián tiếp

Người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến học viên mà thay vào đó, học viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được CTĐT ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lí trình độ Thạc sĩ áp dụng gồm phương pháp: Giải quyết vấn đề, nghiên cứu điển hình. Giải quyết vấn đề là hướng dạy học mà học viên được đặt vào tình huống có vấn đề, được tổ chức giải quyết vấn đề, từ đó lĩnh hội được tri thức, kỹ năng, phương pháp nhận thức, năng lực giải quyết vấn đề.

Dạy học giải quyết vấn đề không phải một phương pháp dạy học cụ thể mà là một quan điểm dạy học, có thể vận dụng trong các hình thức và phương pháp dạy học khác nhau, có thể áp dụng trong dạy học lí thuyết, dạy học thực hành và cả trong nhiệm vụ giải quyết vấn đề gắn với thực tiễn.

Nghiên cứu trường hợp là một phương pháp dạy học, trong đó người học tự lực nghiên cứu một tình huống thực tiễn và giải quyết các vấn đề của tình huống đặt ra, hình thức làm việc chủ yếu là làm việc nhóm. Nghiên cứu trường hợp là một hình thức điển hình của dạy học tình huống. Trong Chương trình đào tạo ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lí các dạng nghiên cứu trường hợp được vận dụng như: trường hợp quyết định, thông tin, nghiên cứu, tìm vấn đề, giải quyết vấn đề, đánh giá....

3. Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được CTĐT ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lí trình độ Thạc sĩ áp dụng gồm phương pháp: Tham quan, trải nghiệm thực tế; Đóng vai, Dạy học qua tình huống, Khảo sát thực địa.

Tham quan, trải nghiệm thực tế là hình thức tổ chức dạy học được tổ chức tại một cơ sở thực tiễn (trường học, công ty, xí nghiệp...) để người học tự lực tìm hiểu, thu thập, phân tích, so sánh đánh giá thông tin từ cơ sở thực tiễn với nội dung học tập ở trường theo những mục tiêu dạy học xác định, từ đó điều chỉnh việc học tập cho phù hợp. Từ đó giúp học viên khắc sâu hơn nội dung kiến thức bài học và học thêm kinh nghiệm tổ chức hoạt động trải nghiệm.

Dạy học tình huống là phương pháp dạy học giải quyết vấn đề trong đó học viên được nghiên cứu, giải quyết một tình huống có thực, từ đó phân tích, bình luận, đánh giá, suy xét và trình bày ý tưởng của mình để từng bước chiếm lĩnh tri thức hay vận dụng những kiến thức đã học vào những trường hợp thực tế. Hình thức dạy học này thường được vận dụng trong các học phần rèn luyện nghiệp vụ cho học viên.

Đóng vai là một phương pháp dạy học thông qua mô phỏng và thường có tính chất trò chơi (còn gọi là trò chơi đóng vai). Ở các mô phỏng, người học đảm nhận các vai - thường có tính chất trò chơi - và/hoặc làm việc trong những môi trường mô phỏng, nhằm trước tiên là phát triển năng lực hành động, năng lực quyết định trong những tình huống gắn với cuộc sống nhưng đã được đơn giản hóa.

Qua việc hóa thân thành những vai diễn khác nhau sẽ giúp học viên tiếp nhận nội dung kiến thức, hình dung rõ hơn những công việc gắn liền với chuyên môn của mình ở những khía cạnh khác nhau.

4. Dạy học tương tác

Tương tác là chiến lược dạy học chủ yếu dựa vào thảo luận và chia sẻ giữa những người tham gia. Thảo luận và chia sẻ cung cấp cho học viên cơ hội để “phản ứng với những ý tưởng, kinh nghiệm, hiểu biết sâu sắc và kiến thức của giảng viên hoặc của học viên đồng lứa và tạo ra những cách suy nghĩ và cảm nhận thay thế”. Học viên có thể học hỏi từ các bạn cùng lớp và giảng viên để phát triển các kỹ năng và khả năng xã hội, sắp xếp suy nghĩ của mình và phát triển các lập luận hợp lý.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được CTĐT ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lí trình độ Thạc sĩ áp dụng gồm phương pháp: Semina, vấn đáp, thảo luận nhóm.

Semina là một hình thức tổ chức dạy học, trong đó, dưới sự điều khiển trực tiếp của giảng viên, học viên trình bày, thảo luận, tranh luận về những vấn đề khoa học có tính chuyên sâu nhất định. Phân loại: theo *mức độ và phạm vi sử dụng*, gồm: seminar gắn với giáo trình; seminar gắn với một số phần/chương cơ bản của giáo trình; seminar gắn với chuyên đề.

Vấn đáp là phương pháp dạy học được đặc trưng bởi việc trao đổi giữa giảng viên và người học hoặc giữa người học với nhau để cùng phát triển bài dưới sự điều khiển của giáo viên thông qua việc đặt ra những câu hỏi phù hợp với nội dung dạy học để từ đó lĩnh hội được nội dung bài học.

Thảo luận nhóm là phương pháp dạy học, trong đó giảng viên chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ. Các thành viên trong nhóm đều phải làm việc, trao đổi từ đó đưa ra ý kiến chung của cả nhóm về vấn đề được giao. Đây là phương pháp được sử dụng phổ biến trong các hoạt động dạy học ở cả trên lớp và ngoài lớp nhằm phát huy năng lực hợp tác, giao tiếp và tự chủ của học viên.

5. Tự học

Tự học là quá trình người học tác động một cách tích cực, tự lực, chủ động và sáng tạo vào đối tượng học nhằm chuyển hoá chúng thành tài sản riêng, làm cho chủ thể thay đổi và phát triển. Tự học là tự mình thực hiện việc học.

Để phát huy năng lực tự học của học viên, trong quá trình dạy học giảng viên cần chú ý đến việc trang bị năng lực và kiến thức về phương pháp học tập đặc thù của chuyên ngành; các hoạt động định hướng cụ thể cho học viên và kết hợp các hình thức kiểm tra đánh giá thường xuyên.

Các phương pháp giảng dạy và học tập nói trên giúp học viên đạt được chuẩn đầu ra CTĐT, thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 3. Mối liên hệ giữa phương pháp dạy-học và chuẩn đầu ra CTĐT

Chiến lược và phương pháp dạy - học		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)						
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
1. Chiến lược dạy học trực tiếp	Thuyết trình	X	X		X			X
	Thực hành		X	X	X	X		
	Trình diễn		X	X	X	X		X
2. Chiến lược dạy học trực tiếp	Giải quyết vấn đề	X	X	X	X	X	X	X
	Nghiên cứu trường hợp	X				X	X	
3. Học trải nghiệm	Tham quan, trải nghiệm		X		X	X	X	
	Đóng vai		X		X	X	X	
	Dạy học tình huống	X	X	X	X	X	X	X
4. Dạy học tương tác	Semina	X				X	X	X
	Vấn đáp	X			X	X	X	X
	Thảo luận nhóm				X	X	X	X
5. Tự học		X	X	X	X	X	X	X

D. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc CTĐT được chia thành 2 khối kiến thức: kiến thức chung và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (gồm cơ sở và chuyên ngành; trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được cho trong Bảng 6.

*** Định hướng nghiên cứu**

Bảng 6a. Các khối kiến thức và số tín chỉ theo định hướng nghiên cứu

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ		
			Bắt buộc	Tự chọn	
				Bắt buộc	Tự do
I	Khối kiến thức chung	4	4	0	0
II	Khối kiến thức Cơ sở ngành và Chuyên ngành	29	12	0	17
1	Khối kiến thức Cơ sở ngành	23	12	0	11
2	Khối kiến thức Chuyên ngành	6	0	0	6
III	Chuyên đề	12	12	0	0
IV	Luận văn tốt nghiệp	15	15	0	0
Tổng		60	43	0	17

* Định hướng ứng dụng

Bảng 6b. Các khối kiến thức và số tín chỉ theo định hướng ứng dụng

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ		
			Bắt buộc	Tự chọn	
				Bắt buộc	Tự do
I	Khối kiến thức chung	4	4	0	0
II	Khối kiến thức Cơ sở ngành và Chuyên ngành	41	24	0	17
1	Khối kiến thức Cơ sở ngành	26	18	0	8
2	Khối kiến thức Chuyên ngành	15	6	0	9
III	Thực tập	6	6	0	0
IV	Đề án tốt nghiệp	9	9	0	0
Tổng		60	43	0	17

II. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức**2.1. Khung chương trình đào tạo**

* Định hướng nghiên cứu

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			HP học trước/ tiên quyết/ song hành
			TC	LT	TH /T N	
KHỐI KIẾN THỨC CHUNG			4	3	1	
1	31645001	Triết học	4	3	1	

KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH			51	32	19	
		Học phần bắt buộc	12	8	4	
2	31335024	Lí luận dạy học hiện đại	3	2	1	*
3	31335025	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	3	2	1	*
4	31335029	Dạy học số	3	2	1	*
5	31335026	Chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học	3	2	1	*
		Học phần tự chọn (chọn 17 TC = 11 TC cơ sở + 6 TC chuyên ngành)	27	16	11	
6	31335030	<i>Hoạt động trải nghiệm ở trường trung học</i>	3	2	1	
7	31335031	<i>Quản trị hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường</i>	3	2	1	
8	31325032	<i>Quản lí lớp học hiệu quả</i>	2	1	1	
9	31325033	<i>Giáo dục quốc tế và so sánh</i>	2	1	1	
10	31325034	<i>Công nghệ giáo dục</i>	2	1	1	
11	31935009	<i>Phát triển năng lực học sinh trong dạy học bộ môn</i>	3	2	1	
12	31935010	<i>Định tính và định lượng trong nghiên cứu khoa học giáo dục</i>	3	1	2	
14	31935001	<i>Địa lí tự nhiên và kinh tế - xã hội nâng cao</i>	3	2	1	
15	31935002	<i>Phát triển tư liệu dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	3	2	1	
16	31935006	<i>Ứng dụng GIS nâng cao trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	3	2	1	
		Chuyên đề nghiên cứu	12	8	4	
17	31935011	Chuyên đề Đánh giá trong dạy học Địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	3	2	1	
18	31935012	Chuyên đề Tiếp cận năng lực trong phát triển chương trình giáo dục môn Địa lí	3	2	1	
19	31935014	Chuyên đề Phát triển tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông	3	2	1	
20	31935015	Chuyên đề Giáo dục vì sự phát triển bền vững	3	2	1	
21	319155013	LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP	15	0	15	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			70			
Tổng số tín chỉ bắt buộc			43			
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			17			

Ghi chú:

- Học viên phải tích lũy tối thiểu 60 tín chỉ; sinh viên được tích lũy tối đa 15 tín chỉ.
- Sinh viên năm thứ 3 (khá, giỏi) được phép đăng ký học các học phần có gắn dấu (*).
- Sinh viên năm thứ 4 (khá, giỏi) được phép đăng ký học tất cả các học phần.

*** Định hướng ứng dụng**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			HP học trước/ tiên quyết/ song hành
			TC	LT	TH/TN	
KHỐI KIẾN THỨC CHUNG			4	3	1	
1	31645001	Triết học	4	3	1	
KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH			51	33	18	
		Học phần bắt buộc	24	16	8	
2	31335024	Lí luận dạy học hiện đại	3	2	1	*
3	31335025	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	3	2	1	*
4	31335026	Chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học	3	2	1	*
5	31335027	Đánh giá trong giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	3	2	1	
6	31335028	Phát triển chương trình giáo dục	3	2	1	*
7	31335029	Dạy học số	3	2	1	
8	31935000	Dạy học Địa lí ở trường phổ thông theo tiếp cận phát triển năng lực	3	2	1	
9	31935001	Địa lí tự nhiên và kinh tế - xã hội nâng cao	3	2	1	
		Học phần tự chọn (chọn 17 TC = 8 TC cơ sở + 9 TC chuyên ngành)	27	17	10	
11	31335030	<i>Hoạt động trải nghiệm ở trường trung học</i>	3	2	1	
12	31335031	<i>Quản trị hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường</i>	3	2	1	
13	31325032	<i>Quản lí lớp học hiệu quả</i>	2	1	1	
14	31325033	<i>Giáo dục quốc tế và so sánh</i>	2	1	1	
15	31325034	<i>Công nghệ giáo dục</i>	2	1	1	
16	31935002	<i>Phát triển tư liệu dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	3	2	1	
17	31935003	<i>Phát triển tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	3	2	1	
18	31935004	<i>Dạy học phân hoá trong môn Địa lí ở trường phổ thông</i>	3	2	1	
19	31935005	<i>Giáo dục vì sự phát triển bền vững</i>	3	2	1	

20	31935006	<i>Ứng dụng GIS nâng cao trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	3	2	1	
21	31965007	THỰC TẬP	6	0	6	
22	31995008	ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP	9	0	9	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			70			
Tổng số tín chỉ bắt buộc			43			
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			17			

Ghi chú:

- Học viên phải tích lũy tối thiểu 60 tín chỉ; sinh viên được tích lũy tối đa 15 tín chỉ.
- Sinh viên năm thứ 3 (khá, giỏi) được phép đăng ký học các học phần có gắn dấu (*).
- Sinh viên năm thứ 4 (khá, giỏi) được phép đăng ký học tất cả các học phần.

2.2. Kế hoạch đào tạo*** Định hướng nghiên cứu**

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			HP học trước/ tiên quyết	Khoa giảng dạy
			TC	LT	TH /TN		
1	31645001	Triết học	4	3	1		GDCT
	31335024	Lí luận dạy học hiện đại	3	2	1	*	HP chung
	31335025	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	3	2	1	*	HP chung
	31335029	Dạy học số	3	2	1	*	HP chung
	31335026	Chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học	3	2	1	*	HP chung
		Tổng tín chỉ trong học kỳ	16	11	5		
2	31935011	Chuyên đề Đánh giá trong dạy học Địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	3	2	1		HP chung
		Học phần tự chọn (11TC/18TC)	18	10	8		
	31335030	<i>Hoạt động trải nghiệm ở trường trung học</i>	3	2	1		HP chung
	31335031	<i>Quản trị hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường</i>	3	2	1		HP chung
	31325032	<i>Quản lí lớp học hiệu quả</i>	2	1	1		HP chung
	31325033	<i>Giáo dục quốc tế và so sánh</i>	2	1	1		HP chung
	31325034	<i>Công nghệ giáo dục</i>	2	1	1		HP chung
	31935009	<i>Phát triển năng lực học sinh trong dạy học bộ môn</i>	3	2	1		HP chung
	31935010	<i>Định tính và định lượng trong nghiên cứu khoa học giáo dục</i>	3	1	2		HP chung

		Tổng tín chỉ trong học kì	21	12	9		
3	31935012	Chuyên đề Tiếp cận năng lực trong phát triển chương trình giáo dục môn Địa lí	3	2	1		Khoa CN
	31935014	Chuyên đề Phát triển tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông	3	2	1		Khoa CN
	31935015	Chuyên đề Giáo dục vì sự phát triển bền vững	3	2	1		Khoa CN
		Học phần tự chọn (6TC/ 9TC)	9	6	3		
	31935001	<i>Địa lí tự nhiên và kinh tế - xã hội nâng cao</i>	3	2	1		Khoa CN
	31935002	<i>Phát triển tư liệu dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	3	2	1		Khoa CN
	31935006	<i>Ứng dụng GIS nâng cao trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	3	2	1		Khoa CN
		Tổng tín chỉ trong học kì	18	12	6		
4	319155013	Luận văn tốt nghiệp	15	0	15		Khoa CN
		Tổng tín chỉ trong học kì	15	0	15		

Ghi chú:

- Học viên phải tích lũy tối thiểu 60 tín chỉ; sinh viên được tích lũy tối đa 15 tín chỉ.
- Sinh viên năm thứ 3 (khá, giỏi) được phép đăng ký học các học phần có gắn dấu (*).
- Sinh viên năm thứ 4 (khá, giỏi) được phép đăng ký học tất cả các học phần.

*** Định hướng ứng dụng**

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			HP học trước/ tiên quyết	Khoa giảng dạy
			TC	LT	TH/ TN		
1	31645001	Triết học	4	3	1		GDCT
	31335024	Lí luận dạy học hiện đại	3	2	1	*	HP chung
	31335026	Chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học	3	2	1	*	HP chung
	31335025	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	3	2	1	*	HP chung
	31335027	Đánh giá trong giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	3	2	1		HP chung
	31335028	Phát triển chương trình giáo dục	3	2	1	*	HP chung
			Tổng tín chỉ trong học kì	19	13	6	
2	31335029	Dạy học số	3	2	1		HP chung

	31935000	Dạy học Địa lí ở trường phổ thông theo tiếp cận phát triển năng lực	3	2	1		Khoa CN
		Học phần tự chọn (8/12TC)	12	7	5		
	31335030	Hoạt động trải nghiệm ở trường trung học	3	2	1		HP chung
	31335031	Quản trị hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường	3	2	1		HP chung
	31325032	Quản lí lớp học hiệu quả	2	1	1		HP chung
	31325033	Giáo dục quốc tế và so sánh	2	1	1		HP chung
	31325034	Công nghệ giáo dục	2	1	1		HP chung
		Tổng tín chỉ trong học kì	18	11	7		
3	31935001	Địa lí tự nhiên nâng cao và địa lí nhân văn đương đại	3	2	1		Khoa CN
		Học phần Tự chọn (9/15 TC)	15	10	5		
	31935002	Phát triển tư liệu dạy học Địa lí ở trường phổ thông	3	2	1		Khoa CN
	31935003	Phát triển tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông	3	2	1		Khoa CN
	31935004	Dạy học phân hoá trong môn Địa lí ở trường phổ thông	3	2	1		Khoa CN
	31935005	Giáo dục vì sự phát triển bền vững	3	2	1		Khoa CN
	31935006	Ứng dụng GIS nâng cao trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông	3	2	1		Khoa CN
			Tổng tín chỉ trong học kì	18	12	6	
4	31965007	Thực tập	6	0	6		Khoa CN
	31995008	Đề án tốt nghiệp	9	0	9		Khoa CN
			Tổng tín chỉ trong học kì	15	0	15	

Ghi chú:

- Học viên phải tích lũy tối thiểu 60 tín chỉ; sinh viên được tích lũy tối đa 15 tín chỉ.
- Sinh viên năm thứ 3 (khá, giỏi) được phép đăng ký học các học phần có gắn dấu (*).
- Sinh viên năm thứ 4 (khá, giỏi) được phép đăng ký học tất cả các học phần.

III. Sơ đồ cây chương trình đào tạo (danh sách các học phần được hệ thống hóa theo các khối kiến thức và trình tự học)

• Định hướng nghiên cứu

Học kỳ 1 (13 TC)	Học kỳ 2 (06 TC)	Học kỳ 3 (09 TC)	Học kỳ 4 (15 TC)
Triết học (4,0)			
Lí luận dạy học hiện đại (2,1)	Dạy học số (2,1)	Tiếp cận năng lực trong phát triển chương trình giáo dục môn Địa lí (2,1)	Luận văn tốt nghiệp (0,15)
Chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học (2,1)	Đánh giá trong dạy học Địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học (2,1)	Phát triển tư duy phân biện cho học sinh trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông (2,1)	
Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục (2,1)		Giáo dục vì sự phát triển bền vững (2,1)	

Chú thích:

Kiến thức chung	Cơ sở ngành	Chuyên ngành	Thực tập, đề án
-----------------	-------------	--------------	-----------------

• Định hướng ứng dụng

Học kỳ 1 (19 TC)	Học kỳ 2 (6 TC)	Học kỳ 3 (3 TC)	Học kỳ 4 (15 TC)
Triết học (4,0)			
Lí luận dạy học hiện đại (2,1)	Dạy học số (2,1)		
Chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học (2,1)	Dạy học Địa lí ở trường phổ thông theo tiếp cận phát triển năng lực (2,1)	Địa lí tự nhiên nâng cao và địa lí nhân văn đương đại (2,1)	Thực tập (0,6)
Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục (2,1)			Đề án tốt nghiệp (0,9)
Đánh giá trong giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học (2,1)			
Phát triển chương trình giáo dục (2,1)			

Chú thích:

Kiến thức chung	Cơ sở ngành	Chuyên ngành	Thực tập, đề án
-----------------	-------------	--------------	-----------------

IV. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

(XEM PHỤ LỤC 3)

E. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁCH THỨC, CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ

I. Quy trình đào tạo

CTĐT được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ, quá trình đào tạo tuân theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Sư phạm. Thời gian đào tạo trong 2 năm. Mỗi năm học gồm hai học kỳ (từ giữa tháng Tám đến cuối tháng Bảy năm sau). Theo lộ trình được thiết kế, học viên được học các học phần thuộc khối kiến thức chung và cơ sở ngành từ học kỳ 1, các kiến thức chuyên ngành, chuyên đề được học trong 2

học kỳ tiếp theo, thực tập, làm đồ án, dự án hoặc luận văn tốt nghiệp và bảo vệ ở học kỳ thứ 4.

Học viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc cũng như số học phần tự chọn theo yêu cầu của CTĐT, tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu là 60 TC với điểm trung bình tốt nghiệp theo hệ 4 là ≥ 2.0 .

II. Cách thức và công cụ đánh giá

1. Đánh giá kết quả học tập

Cuối mỗi học kỳ, Trường sử dụng 4 tiêu chí để đánh giá kết quả học tập của học viên: Khối lượng học tập đăng ký, điểm trung bình chung học kỳ, khối lượng kiến thức tích lũy, điểm trung bình chung tích lũy.

1.1. Khối lượng học tập đăng ký là tổng số tín chỉ của các học phần mà học viên đăng ký học trong học kỳ, gồm cả học phần học lần đầu và học từ lần thứ 2 trở đi;

1.2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà học viên đăng ký trong học kỳ. Trọng số của mỗi học phần là số tín chỉ tương ứng của học phần đó;

1.3. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà học viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xét;

1.4. Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng số tín chỉ của các học phần đã tích lũy được tính từ đầu khóa học

2. Đánh giá học phần

2.1. Tùy theo đặc điểm của mỗi học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào điểm thi kết thúc học phần và các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm chuyên cần; điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành/ thí nghiệm; điểm kiểm tra giữa học phần; điểm tiểu luận. Điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp, có trọng số là 60%. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là viết (trắc nghiệm, tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, thực hành, hoặc kết hợp các hình thức này.

2.2. Việc lựa chọn hình thức đánh giá bộ phận, trọng số của điểm đánh giá bộ phận và cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết học phần khi xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo và phải được Hiệu trưởng phê duyệt. Ở buổi học đầu tiên của lớp học phần, giảng viên công bố đề cương chi tiết cho học viên. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận.

2.3. Kiểm tra giữa kỳ: Giảng viên phụ trách lớp học phần bố trí kiểm tra giữa kỳ trong buổi học của lớp học phần, theo kế hoạch đào tạo năm học đã được Hiệu trưởng phê duyệt.

2.4. Thi kết thúc học phần

- Học viên vắng quá 20% thời gian học của lớp học phần thì giảng viên dạy lớp học phần có thể xem xét quyết định không cho dự thi kết thúc học phần.

- Lịch thi kết thúc học phần do Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục ban hành; phải đảm bảo thời gian ôn thi bình quân ít nhất 2/3 ngày cho mỗi tín chỉ.

- Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với chuẩn đầu ra và nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Tùy theo đặc điểm của mỗi học phần, giảng viên sử dụng các phương pháp đánh giá sau:

- *Đánh giá chuyên cần*: Đánh giá ý thức học tập chuyên cần và tính độc lập, sáng tạo của người học (điểm danh sự có mặt của người học, ý thức, thái độ trong việc chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, xây dựng bài của người học trên lớp).

- *Đánh giá bài tập*: Đánh giá mức độ hoàn thành của học viên đối với các bài tập được giảng viên giao liên quan đến bài học ở trong và sau giờ lên lớp. Những bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và cho điểm trên cơ sở những tiêu chí đã được thông báo từ trước.

- *Nhóm phương pháp kiểm tra viết*: Phương pháp kiểm tra viết gồm bài kiểm tra dạng tự luận và kiểm tra viết dạng trắc nghiệm khác quan.

Đối với phương pháp kiểm tra viết Tự luận, học viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các câu hỏi liên quan đến các yêu cầu tiêu chuẩn của học phần, khóa học. Phương pháp kiểm tra này được chia thành hai loại: Bài luận dài và Bài luận ngắn.

Đối với phương pháp kiểm tra Trắc nghiệm khách quan, học viên trả lời các loại hình câu hỏi hoặc bài tập mà các phương án trả lời đã có sẵn hoặc nếu học viên viết câu trả lời thì câu trả lời phải là câu ngắn và chỉ duy nhất có một cách viết đúng.

- *Đánh giá thí nghiệm/ thực hành*: Học viên được đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ thảo luận và chia sẻ; mức độ thực hiện đúng các thao tác, quy trình; kết quả thực hành/ thí nghiệm; Báo cáo thực hành/ thí nghiệm.

- *Đánh giá Thuyết trình*: Học viên được yêu cầu làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm và thuyết trình kết quả trước các sinh viên khác. Hoạt động này ngoài đánh giá mức độ đạt được của học viên về những kiến thức chuyên biệt còn đánh giá được mức độ phát triển các kỹ năng như giao tiếp, đàm phán, làm việc nhóm. Các học phần được xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoặc rubrics tương ứng với các chuẩn đầu ra học phần.

- *Đánh giá Vấn đáp*: Học viên được đánh giá thông qua các cuộc phỏng vấn, câu hỏi và câu trả lời trực tiếp. Phương pháp này được sử dụng trong một số khóa học để đánh giá năng lực tổng thể của học viên bao gồm kiến thức và kỹ năng giao tiếp, thuyết trình. Các học phần sử dụng các rubrics vấn đáp để đánh giá nhằm đảm bảo tính chính xác và công bằng đối với người học.

- *Đánh giá làm việc nhóm*: Đánh giá công việc nhóm được sử dụng khi thực hiện các hoạt động giảng dạy nhóm và được sử dụng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của học viên. Rubric đánh giá đối với sản phẩm, khả năng thuyết trình của nhóm và rubric tự đánh giá làm việc nhóm cho các đối tượng thuộc nhóm tự đánh giá hoặc đánh giá đồng đẳng. Các rubrics đánh giá được công bố trong cuốn chương trình đào tạo.

- *Đánh giá Tiểu luận/ Bài tập lớn*: Tiểu luận là viết báo cáo về một vấn đề của một môn học hay một vấn đề thực tiễn của một đơn vị nào đó nhằm để rút ra những kết luận, những đóng góp ý kiến, những đề xuất giải pháp để có thể thực hiện hay cải tiến được vấn đề đã nêu ra. Đánh giá tiểu luận bao gồm đánh giá về Cấu trúc, Nội dung, Kết luận và Hình thức trình bày.

- *Đánh giá Sản phẩm*: Phương pháp đánh giá kết quả học tập thông qua các sản phẩm của người học đã thực hiện được, thể hiện qua việc xây dựng, sáng tạo, thể hiện ở việc hoàn thành được công việc một cách có hiệu quả. Các tiêu chí và tiêu chuẩn để đánh giá sản phẩm là rất đa dạng. Đánh giá sản phẩm được dựa trên ngữ cảnh cụ thể của hiện thực.

- *Đánh giá Thực tập tại cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp*: Kết quả Thực tập tại cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp được đánh giá dựa trên các tiêu chí về Chấp hành nội quy của đơn vị; Thái độ làm việc; Kiến thức, kỹ năng thu nhận và đánh giá báo cáo thực tập tại doanh nghiệp. Các nội dung đánh giá được xác định các tiêu chí cụ thể theo các rubrics đánh giá.

- *Đánh giá Luận văn tốt nghiệp*: Đánh giá Đề án/ Dự án/ Luận văn tốt nghiệp dựa trên các tiêu chí về Hình thức báo cáo; Chất lượng báo cáo; Chất lượng bảo vệ. Các nội dung đánh giá được xác định các tiêu chí cụ thể theo các rubrics đánh giá. Đánh giá Đề án/ Dự án/ Luận văn tốt nghiệp được thực hiện bởi Hội đồng chấm Đề án/ Dự án/ Luận văn tốt nghiệp do Hiệu trưởng ký Quyết định thành lập. Số thành viên của hội đồng là 5 hoặc 7 người, trong đó có Chủ tịch và Thư ký.

4. Cách tính điểm học phần

Học viên theo học ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lí được đánh giá theo hệ thống tính điểm áp dụng thống nhất cho cả Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐN được quy định bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

- Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

- Thang điểm chữ dùng để phân loại kết quả học dựa trên điểm học phần.

- Thang điểm 4 được dùng khi tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để đánh giá kết quả học tập của học viên sau mỗi học kỳ và cho điểm tổng kết quả học tập của học viên:

Xếp loại		Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	Giỏi	8,5 - 10	A	4
	Khá	7,0 - 8,4	B	3
	Trung bình	5,5 - 6,9	C	2
Không đạt	Trung bình yếu	4,0 - 5,4	D	1
	Kém	< 4,0	F	0

F. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

- CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
1	Triết học	Triết học là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ. Học phần có vai trò quan trọng trong việc hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học cho học viên; giúp học viên có cách nhìn toàn diện về vai trò của triết học trong đời sống xã hội từ các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa; bên cạnh đó, học phần trang bị kiến thức về khoa học, công nghệ, kỹ thuật; vai trò của triết học đối với các cuộc cách mạng khoa học công nghệ, kỹ thuật và công nghiệp, đồng thời đánh giá đúng thực trạng phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam hiện nay. Học phần có tính tương quan chặt chẽ với các học phần thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ của các ngành khoa học tự nhiên, người học sẽ được trang bị sâu sắc hơn về thế giới quan duy vật và phương pháp tư duy biện chứng khi đi vào nghiên cứu vấn đề chuyên môn.
2	Lý luận dạy học hiện đại	Học phần này cung cấp các khái niệm chung, hiểu biết về các lý thuyết học tập, mô hình và chiến lược quan trọng liên quan đến quá trình tổ chức học tập, vai trò của giáo viên và học sinh, tác động của môi trường lớp học tương tác đối với việc học tập hiện đại. Từ đó, giúp cho người học kể cả là các giáo viên có kinh nghiệm giảng dạy hoặc chưa có kinh nghiệm giảng dạy có được nền tảng để vận dụng vào việc học tập hiệu quả các học phần chuyên sâu trong lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học bộ môn, cũng như áp dụng vào thực tiễn dạy học một cách hiệu quả..
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục giúp học viên có kiến thức chuyên sâu về nghiên cứu khoa học giáo dục, đây là học phần bắt buộc cần trang bị cho học viên trước khi học viên làm các tiểu luận của các học phần cũng như thực hiện luận văn tốt nghiệp. Học phần giới thiệu chung về nghiên cứu khoa học; tổng quan tình hình nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu; phát triển khung lý thuyết, khung khái niệm và khung phân tích; nghiên cứu định tính, nghiên cứu định lượng; phương pháp khảo sát, phương pháp thử nghiệm; thiết kế nghiên cứu tổng thể; xử lý và phân tích dữ liệu định lượng cho nghiên cứu; hướng dẫn học viên viết đề cương nghiên cứu và báo cáo nghiên cứu.
4	Dạy học số	Dạy học trong thế kỉ 21 là quá trình KẾT NỐI giữa: Các hoạt

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		động hướng tới thực hiện nhiệm vụ (mục tiêu) của người dạy và người học; Các hoạt động tương tác giữa người dạy và người học, người học với nhau để thực hiện một nhiệm vụ mang tính xác thực, có tính gắn kết và giải quyết được một số vấn đề của thực tiễn cuộc sống. Nội dung trong học phần tập trung 4 vấn đề chính, đó là: (1) Công nghệ dạy học trong thế kỷ XXI; (2) Các công cụ hỗ trợ dạy học số; (3) Số hoá nội dung trong dạy học số; (4) Ứng dụng công nghệ số vào tổ chức và dạy học.
5	Chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học	Học phần này tập trung trang bị cho học viên các chiến lược dạy học thông qua việc lựa chọn và sử dụng phối hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học đối với việc triển khai các hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực người học. Nội dung học phần bao gồm: (1) Các vấn đề chung của dạy học phát triển phẩm chất, năng lực; (2) Các chiến lược dạy học, giáo dục cơ bản như: Chiến lược thu nhận và xử lý thông tin từ học liệu, chiến lược học tập hợp tác, chiến lược tổ chức cho học sinh trình bày báo cáo và viết; chiến lược phản hồi và phát triển tư duy phản biện; chiến lược hỗ trợ người học có nhu cầu đặc biệt; (3) Cơ sở lựa chọn, sử dụng phương pháp và kỹ thuật dạy học; (4) Quy trình lựa chọn, sử dụng phương pháp và kỹ thuật dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học.
6	Hoạt động trải nghiệm ở trường Trung học	Nội dung chính của học phần bao gồm: Tiếp cận trải nghiệm trong giáo dục phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; Khái quát về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường trung học và hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn học; Xây dựng và tổ chức các chủ đề hoạt động dạy học trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường trung học; Đánh giá kết quả tổ chức các chủ đề hoạt động trải nghiệm; Phối hợp các lực lượng giáo dục trong tổ chức các chủ đề hoạt động trải nghiệm ở trường trung học.
7	Quản trị hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường	Học phần Quản trị hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường cung cấp cho người học những vấn đề lý luận cơ bản về khoa học quản lý giáo dục, nội dung và biện pháp quản trị hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục trong nhà trường.
8	Quản lý lớp học hiệu quả	Học phần này trình bày những kiến thức cơ bản, khoa học về quản lý lớp học hiệu quả. Trên cơ sở đó, học phần cung cấp cho người học khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc quản lý lớp học, nhiệm vụ của giáo viên trong giáo dục học sinh; một số biện pháp quản lý

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		lớp học hiệu quả (xây dựng tập thể học sinh, xây dựng các nội quy và chỉ dẫn, quản lý hành vi học tập của học sinh trong lớp học); xây dựng môi trường lớp học (môi trường vật chất không gian lớp học và môi trường tâm lí tích cực trong lớp học).
9	Giáo dục quốc tế và so sánh	Nội dung học phần GDQT&SS bao gồm các vấn đề chung như đối tượng, nhiệm vụ, các cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu. Trọng tâm của học phần là các xu hướng nghiên cứu và các nghiên cứu so sánh trên từng thành phần thiết yếu của giáo dục. Học phần có tính tương quan chặt chẽ với các học phần thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ của các ngành khoa học giáo dục. Thông qua học phần này người học sẽ được trang bị sâu sắc về tư duy khoa học giáo dục và phương pháp luận giải quyết các vấn đề phát triển giáo dục một cách tổng thể trong bối cảnh phát triển kinh tế xã hội nói chung, hình thành động lực thay đổi trong giáo dục và tìm kiếm những mô hình thay đổi chung giữa các quốc gia.
10	Công nghệ giáo dục	Học phần cung cấp các cho người học kiến thức tổng quát về lĩnh vực Công nghệ giáo dục với tư cách như một ngành khoa học, bao gồm: Quan điểm công nghệ trong dạy học (Dạy học được coi là một công nghệ), các yếu tố cơ bản của công nghệ dạy học (Phương pháp, phương tiện, kỹ năng); Nhận biết cách con người học để thiết kế các phương tiện và hệ thống giảng dạy phù hợp; sử dụng công nghệ trong giảng dạy; Thiết kế phương tiện, đề xuất phương pháp giảng dạy xung quanh các lý thuyết học tập; Đánh giá các phương tiện, hình thức giảng dạy dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông; Nhận biết sự thay đổi của công nghệ, quá trình sản xuất dẫn đến sự thay đổi trong quá trình đào tạo; Phát triển môi trường học tập hiệu quả bằng cách sử dụng các công nghệ đào tạo mới nhất trong cả các tổ chức giáo dục và kinh doanh. Ngoài ra môn học rèn luyện cho học viên các kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tính chăm chỉ và có trách nhiệm.
11	Phát triển năng lực học sinh trong dạy học bộ môn	Học phần giúp cho người học phát triển các kiến thức nâng cao về dạy học môn Địa lí ở trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực HS, dựa trên cơ sở hiểu biết về các năng lực đặc thù môn Địa lí và các chiến lược, phương pháp dạy học phát triển năng lực HS. Từ đó, cùng với các môn học khác trong chương trình, giúp người

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		học tổ chức có hiệu quả quá trình dạy học Địa lí ở các cấp học đáp ứng yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông
12	Định tính và định lượng trong nghiên cứu khoa học giáo dục	Học phần bao gồm 4 nội dung quan trọng sau đây: Thứ nhất, các phương pháp nghiên cứu định lượng. Thứ hai, các phương pháp nghiên cứu định tính. Thứ ba, xử lí và phân tích số liệu. Thứ tư, viết các tài liệu khoa học
13	Địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội nâng cao	<p>Học phần Địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội nâng cao là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm mục tiêu giúp học viên nâng cao nhận thức về địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội trên quan điểm hệ thống và hiện đại, đồng thời phát triển các phương pháp nâng cao trong nghiên cứu địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội làm cơ sở cho việc giảng dạy và nghiên cứu Địa lý.</p> <p>Nội dung chính của học phần này bao gồm những vấn đề chung về các lĩnh vực của khoa học địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội hiện đại, các phương pháp nghiên cứu địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội, các vấn đề của các thể tổng hợp tự nhiên, các quy luật địa lý chung và phân vùng địa lý tự nhiên hiện đại, các vấn đề của địa lý kinh tế - xã hội đương đại, đo lường và đánh giá phát triển kinh tế.</p>
14	Phát triển tư liệu dạy học Địa lí ở trường phổ thông	Phát triển tư liệu dạy học địa lí ở trường phổ thông là một trong những thành phần năng lực quan trọng của giáo viên trong quá trình tổ chức dạy học, phát triển chương trình môn học Địa lí. Học phần cung cấp cho người học các lí thuyết nền tảng về thiết kế sư phạm, các nguyên tắc, quy trình và công cụ để làm chủ quá trình phát triển tư liệu dạy học của bản thân; thực hành thiết kế và sử dụng trong quá trình tổ chức dạy học bộ môn trong nhà trường
15	Ứng dụng GIS nâng cao trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông	Học phần này trang bị cho người học các kiến thức cơ bản cũng như các nguyên lý của hệ thống thông tin địa lý (GIS) và một số kĩ năng về công nghệ viễn thám. Người học làm quen với việc tổ chức, quản lý cơ sở dữ liệu GIS, xử lí và phân tích dữ liệu thông tin viễn thám, địa lý nhằm phục vụ cho công tác xây dựng bài giảng.

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
16	Chuyên đề Đánh giá trong dạy học Địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	Học phần này giúp cho người học cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên sâu về kiểm tra đánh giá trong giáo dục, hình thành cho họ những kĩ năng trong đánh giá kết quả học tập của người học; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo có tinh thần trách nhiệm, trung thực và những phẩm chất, năng lực cần thiết của người giáo viên.
17	Chuyên đề Tiếp cận năng lực trong phát triển chương trình giáo dục môn Địa lí	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và hiểu biết chuyên sâu về bản chất, đặc điểm của chương trình giáo dục được xây dựng dựa trên tiếp cận năng lực. Trên cơ sở đó, người học vận dụng vào việc phân tích chương trình giáo dục phổ thông môn địa lí hiện hành, phát triển các nội dung dạy học và xây dựng kế hoạch dạy học hiệu quả, góp phần thực hiện có hiệu quả mục tiêu theo chương trình mới.
18	Chuyên đề Phát triển tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông	Học phần cung cấp kiến thức và hiểu biết sâu sắc, phương pháp luận, kỹ năng và cách tiếp cận thực tế để giải thích rõ hơn tư duy phản biện là gì và cách nó có thể được áp dụng trong lớp học Địa lí với những lợi ích tối đa. Từ đó góp phần trao quyền cho giáo viên với vai trò là những người giảng dạy trong cơ sở giáo dục để hình thành và phát triển tư duy phản biện cho học sinh, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học địa lí.
19	Chuyên đề Giáo dục vì sự phát triển bền vững	Học phần Giáo dục vì sự phát triển bền vững là học phần tự chọn thuộc khối Kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học các kiến thức: cơ sở lý luận về giáo dục vì sự phát triển bền vững; cách thức tích hợp và hình thức tổ chức giáo dục vì sự phát triển bền vững trong dạy học.
20	Luận văn tốt nghiệp	Kết quả của học phần này là hoàn thành một luận văn. Luận văn báo cáo một dự án nghiên cứu được thực hiện với sự hướng dẫn của một người hướng dẫn học tập. Nó nên đóng góp vào kiến thức giáo dục. Bạn sẽ phân tích và đánh giá một cách nghiêm túc kiến thức hiện có về một vấn đề mà bạn quan tâm, đồng thời thiết kế và thực hiện một dự án nghiên cứu điều tra vấn đề đó. Các kết luận được đưa ra nên bao gồm các hàm ý để thực hành giáo dục

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		tốt hơn.

- CHƯƠNG TRÌNH ỨNG DỤNG

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
1	Triết học	Triết học là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ. Học phần có vai trò quan trọng trong việc hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học cho học viên; giúp học viên có cách nhìn toàn diện về vai trò của triết học trong đời sống xã hội từ các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa; bên cạnh đó, học phần trang bị kiến thức về khoa học, công nghệ, kỹ thuật; vai trò của triết học đối với các cuộc cách mạng khoa học công nghệ, kỹ thuật và công nghiệp, đồng thời đánh giá đúng thực trạng phát triển khoa học và công nghệ ở Việt Nam hiện nay. Học phần có tính tương quan chặt chẽ với các học phần thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ của các ngành khoa học tự nhiên, người học sẽ được trang bị sâu sắc hơn về thế giới quan duy vật và phương pháp tư duy biện chứng khi đi vào nghiên cứu vấn đề chuyên môn.
2	Lý luận dạy học hiện đại	Học phần này cung cấp các khái niệm chung, hiểu biết về các lý thuyết học tập, mô hình và chiến lược quan trọng liên quan đến quá trình tổ chức học tập, vai trò của giáo viên và học sinh, tác động của môi trường lớp học tương tác đối với việc học tập hiện đại. Từ đó, giúp cho người học kể cả là các giáo viên có kinh nghiệm giảng dạy hoặc chưa có kinh nghiệm giảng dạy có được nền tảng để vận dụng vào việc học tập hiệu quả các học phần chuyên sâu trong lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học bộ môn, cũng như áp dụng vào thực tiễn dạy học một cách hiệu quả..
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục giúp học viên có kiến thức chuyên sâu về nghiên cứu khoa học giáo dục, đây là học phần bắt buộc cần trang bị cho học viên trước khi học viên làm các tiểu luận của các học phần cũng như thực hiện luận văn tốt nghiệp. Học phần giới thiệu chung về nghiên cứu khoa học; tổng quan tình hình nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu; phát triển khung lý thuyết, khung khái niệm và khung phân tích; nghiên cứu định tính, nghiên cứu định lượng; phương pháp khảo

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		sát, phương pháp thử nghiệm; thiết kế nghiên cứu tổng thể; xử lý và phân tích dữ liệu định lượng cho nghiên cứu; hướng dẫn học viên viết đề cương nghiên cứu và báo cáo nghiên cứu.
4	Chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học	Học phần này tập trung trang bị cho học viên các chiến lược dạy học thông qua việc lựa chọn và sử dụng phối hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học đối với việc triển khai các hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực người học. Nội dung học phần bao gồm: (1) Các vấn đề chung của dạy học phát triển phẩm chất, năng lực; (2) Các chiến lược dạy học, giáo dục cơ bản như: Chiến lược thu nhận và xử lý thông tin từ học liệu, chiến lược học tập hợp tác, chiến lược tổ chức cho học sinh trình bày báo cáo và viết; chiến lược phản hồi và phát triển tư duy phản biện; chiến lược hỗ trợ người học có nhu cầu đặc biệt; (3) Cơ sở lựa chọn, sử dụng phương pháp và kỹ thuật dạy học; (4) Quy trình lựa chọn, sử dụng phương pháp và kỹ thuật dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học.
5	Đánh giá trong giáo dục hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	Học phần này giúp cho người học cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên sâu về kiểm tra đánh giá trong giáo dục, hình thành cho họ những kỹ năng trong đánh giá kết quả học tập của người học; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo có tinh thần trách nhiệm, trung thực và những phẩm chất, năng lực cần thiết của người giáo viên.
6	Phát triển chương trình giáo dục	Học phần trang bị cho học viên các khái niệm nền tảng về chương trình, phát triển chương trình giáo dục, quy trình phát triển chương trình giáo dục, phát triển chương trình giáo dục nhà trường, nội dung giáo dục địa phương gắn với môn học, chương trình giáo dục môn học cụ thể theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Từ đó, vận dụng phát triển chương trình giáo dục của tổ chuyên môn, của cá nhân đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018.
7	Dạy học số	Dạy học trong thế kỉ 21 là quá trình KẾT NỐI giữa: Các hoạt động hướng tới thực hiện nhiệm vụ (mục tiêu) của người dạy và người học; Các hoạt động tương tác giữa người dạy và người học,

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		người học với nhau để thực hiện một nhiệm vụ mang tính xác thực (Authentic task), có tính gắn kết và giải quyết được một số vấn đề của thực tiễn cuộc sống. Nội dung trong học phần tập trung 4 vấn đề chính, đó là: (1) Công nghệ dạy học trong thế kỷ XXI; (2) Các công cụ hỗ trợ dạy học số; (3) Số hoá nội dung trong dạy học số; (4) Ứng dụng công nghệ số vào tổ chức và dạy học.
8	Dạy học Địa lí ở trường phổ thông theo tiếp cận phát triển năng lực	Học phần giúp cho người học phát triển các kiến thức nâng cao về dạy học môn Địa lí ở trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực HS, dựa trên cơ sở hiểu biết về các năng lực đặc thù môn Địa lí và các chiến lược, phương pháp dạy học phát triển năng lực HS. Từ đó, cùng với các môn học khác trong chương trình, giúp người học tổ chức có hiệu quả quá trình dạy học Địa lí ở các cấp học đáp ứng yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông.
9	Địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội nâng cao	<p>Học phần Địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội nâng cao là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm mục tiêu giúp học viên nâng cao nhận thức về địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội trên quan điểm hệ thống và hiện đại, đồng thời phát triển các phương pháp nâng cao trong nghiên cứu địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội làm cơ sở cho việc giảng dạy và nghiên cứu Địa lý.</p> <p>Nội dung chính của học phần này bao gồm những vấn đề chung về các lĩnh vực của khoa học địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội hiện đại, các phương pháp nghiên cứu địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội, các vấn đề của các thể tổng hợp tự nhiên, các quy luật địa lý chung và phân vùng địa lý tự nhiên hiện đại, các vấn đề của địa lý kinh tế - xã hội đương đại, đo lường và đánh giá phát triển kinh tế.</p>
10	Hoạt động trải nghiệm ở trường Trung học	Nội dung chính của học phần bao gồm: Tiếp cận trải nghiệm trong giáo dục phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; Khái quát về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường trung học và hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn học; Xây dựng và tổ chức các chủ đề hoạt động dạy học trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường trung học; Đánh giá kết quả tổ chức các chủ đề hoạt động trải nghiệm; Phối hợp các lực lượng giáo dục trong tổ chức các chủ đề hoạt động trải nghiệm ở trường trung học.
11	Quản trị hoạt động dạy học và giáo dục	Học phần Quản trị hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường cung cấp cho người học những vấn đề lý luận cơ bản về khoa học

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
	trong nhà trường	quản lý giáo dục, nội dung và biện pháp quản trị hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục trong nhà trường.
12	Quản lý lớp học hiệu quả	Học phần này trình bày những kiến thức cơ bản, khoa học về quản lý lớp học hiệu quả. Trên cơ sở đó, học phần cung cấp cho người học khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc quản lý lớp học, nhiệm vụ của giáo viên trong giáo dục học sinh; một số biện pháp quản lý lớp học hiệu quả, xây dựng môi trường lớp học.
13	Giáo dục quốc tế và so sánh	Nội dung học phần GDQT&SS bao gồm các vấn đề chung như đối tượng, nhiệm vụ, các cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu. Trọng tâm của học phần là các xu hướng nghiên cứu và các nghiên cứu so sánh trên từng thành phần thiết yếu của giáo dục. Học phần có tính tương quan chặt chẽ với các học phần thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ của các ngành khoa học giáo dục. Thông qua học phần này người học sẽ được trang bị sâu sắc về tư duy khoa học giáo dục và phương pháp luận giải quyết các vấn đề phát triển giáo dục một cách tổng thể trong bối cảnh phát triển kinh tế xã hội nói chung, hình thành động lực thay đổi trong giáo dục và tìm kiếm những mô hình thay đổi chung giữa các quốc gia.
14	Công nghệ giáo dục	Học phần cung cấp các cho người học kiến thức tổng quát về lĩnh vực Công nghệ giáo dục với tư cách như một ngành khoa học, bao gồm: Quan điểm công nghệ trong dạy học các yếu tố cơ bản của công nghệ dạy học. Nhận biết cách con người học để thiết kế các phương tiện và hệ thống giảng dạy phù hợp; sử dụng công nghệ trong giảng dạy; Thiết kế phương tiện, đề xuất phương pháp giảng dạy xung quanh các lý thuyết học tập; Đánh giá các phương tiện, hình thức giảng dạy dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông; Nhận biết sự thay đổi của công nghệ, quá trình sản xuất dẫn đến sự thay đổi trong quá trình đào tạo; Phát triển môi trường học tập hiệu quả bằng cách sử dụng các công nghệ đào tạo mới nhất trong cả các tổ chức giáo dục và kinh doanh.
15	Phát triển tư liệu dạy học Địa lí ở trường phổ thông	Phát triển tư liệu dạy học địa lí ở trường phổ thông là một trong những thành phần năng lực quan trọng của giáo viên trong quá trình tổ chức dạy học, phát triển chương trình môn học Địa lí. Học phần cung cấp cho người học các lý thuyết nền tảng về thiết kế sư phạm, các nguyên tắc, quy trình và công cụ để làm chủ quá trình

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		phát triển tư liệu dạy học của bản thân; thực hành thiết kế và sử dụng trong quá trình tổ chức dạy học bộ môn trong nhà trường
16	Phát triển tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông	Học phần cung cấp kiến thức và hiểu biết sâu sắc, phương pháp luận, kỹ năng và cách tiếp cận thực tế để giải thích rõ hơn tư duy phản biện là gì và cách nó có thể được áp dụng trong lớp học Địa lí với những lợi ích tối đa. Từ đó góp phần trao quyền cho giáo viên với vai trò là những người giảng dạy trong cơ sở giáo dục để hình thành và phát triển tư duy phản biện cho học sinh, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học địa lí.
17	Dạy học phân hoá trong môn Địa lí ở trường phổ thông	Học phần giúp người học phát triển các kiến thức và hiểu biết về dạy học phân hoá trong môn Địa lí ở trường phổ thông, dựa trên cơ sở hiểu biết về các khái niệm, nguyên tắc và các hình thức dạy học phân hoá. Từ đó, giúp người học vận dụng được các chiến lược hướng dẫn phù hợp vào thiết kế và tổ chức dạy học Địa lí theo hướng phân hoá một cách hiệu quả trong môi trường dạy học đa dạng, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học
18	Giáo dục vì sự phát triển bền vững	Học phần Giáo dục vì sự phát triển bền vững là học phần tự chọn thuộc khối Kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học các kiến thức: cơ sở lý luận về giáo dục vì sự phát triển bền vững; cách thức tích hợp và hình thức tổ chức giáo dục vì sự phát triển bền vững trong dạy học.
19	Ứng dụng GIS nâng cao trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông	Học phần này trang bị cho người học các kiến thức cơ bản cũng như các nguyên lý của hệ thống thông tin địa lý và một số kỹ năng về công nghệ viễn thám. Người học làm quen với việc tổ chức, quản lý cơ sở dữ liệu GIS, xử lý và phân tích dữ liệu thông tin viễn thám, địa lý nhằm phục vụ cho công tác xây dựng bài giảng.
20	Thực tập	Học phần này giúp học viên rút ra cho mình những kinh nghiệm, yêu cầu cần có để thực hiện tốt nhất đợt thực tập của mình. Không chỉ theo dõi mà học viên còn được trực tiếp làm việc, trải nghiệm thực tế những vị trí việc làm phù hợp với năng lực, sở thích của mình. Đây là học phần rất quan trọng giúp học viên hoàn thiện những kỹ năng cần thiết, đúc kết những kinh nghiệm quý báu cho bản thân, tạo nền tảng vững chắc cho công việc tương lai.

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
21	Đề án tốt nghiệp	Đề án, dự án tốt nghiệp là học phần thực hành, giúp học viên được tập dượt công tác nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở những kiến thức đã học học viên lựa chọn đề tài, lập đề cương và hoàn thành nội dung đề tài nghiên cứu liên quan đến Lí luận và PPDH bộ môn theo sự định hướng của giảng viên hướng dẫn. Qua quá trình này giúp nâng cao năng lực nghiên cứu, khắc sâu thêm kiến thức chuyên ngành tạo tiền đề quan trọng cho việc phát triển và học lên bậc học cao hơn của học viên sau khi tốt nghiệp..

G. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN: (XEM PHỤ LỤC 1)

H. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Sư phạm về đào tạo trình độ thạc sĩ theo hình thức tín chỉ. Chương trình này được định kỳ xem xét rà soát, hiệu chỉnh hằng năm hoặc tối thiểu 5 năm/lần nhằm đáp ứng sự phát triển của ngành và phù hợp với nhu cầu xã hội.

K. ĐÁNH GIÁ VÀ CẬP NHẬT, CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Cập nhật chương trình đào tạo

Hằng năm, Trường Khoa quản lý chương trình đào tạo tổ chức rà soát, cập nhật chương trình đào tạo theo Quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng và theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 22/6/2021.

Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được điều chỉnh, cập nhật.

II. Đánh giá chương trình đào tạo

Ít nhất 5 năm một lần, Trường đơn vị chuyên môn quản lý chương trình đào tạo phải tổ chức đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo theo Quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm và theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 14/03/2016.

Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo cải tiến, sửa đổi trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được đánh giá.

TRƯỜNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

PHỤ LỤC
PHỤ LỤC 1. RUBRIC CÁC HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

R.01. Rubric đánh giá chuyên cần - tham gia hoạt động

TT	Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
1	Chuyên cần - tham gia hoạt động trên lớp	<i>Chuyên cần</i>	Tham gia đầy đủ và đúng giờ tất cả các buổi học	Vắng 1 buổi không có lý do chính đáng hoặc 2 buổi có lý do chính đáng; đôi lúc đi trễ	Vắng 2 buổi không có lý do chính đáng hoặc 3-4 buổi có lý do chính đáng; thỉnh thoảng đi trễ	Vắng 3 buổi không có lý do chính đáng hoặc 5 buổi có lý do chính đáng; hay đi trễ	Vắng trên 3 buổi không có lý do chính đáng hoặc trên 5 buổi có lý do chính đáng; thường xuyên đi trễ	50% (5 điểm)
		<i>Tham gia các hoạt động trên lớp</i>	Luôn luôn chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; luôn đưa ra các ý kiến sát đúng với nội dung bài học; chủ động triển khai các hoạt động thảo luận Nhóm	Tương đối chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; thường xuyên đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học; tham gia tích cực các hoạt động thảo luận Nhóm	Có tham gia các hoạt động trên lớp nhưng đôi lúc chưa được chủ động và tích cực; thỉnh thoảng đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học; tham gia các hoạt động thảo luận nhóm	Chưa chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chỉ trả lời khi được gọi; đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học khi được gọi ý; thỉnh thoảng tham gia các hoạt động thảo luận Nhóm	Không tham gia các hoạt động trên lớp, chỉ trả lời khi được gọi; không đưa ra được các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học khi được gọi ý; không tham gia các hoạt động thảo luận Nhóm	50% (5 điểm)

* Các lý do chính đáng bao gồm: thiên tai, tang gia (ông bà, bố mẹ, anh chị em ruột), cưới hỏi của bản thân, nằm viện có giấy xác nhận, tham gia các hoạt động đoàn thể được điều động theo danh sách và một số trường hợp đặc biệt khác được sự đồng ý của các cấp có thẩm quyền

R.02. Rubric đánh giá bài tập cá nhân

RUBRIC R2. ĐÁNH GIÁ BÀI TẬP CÁ NHÂN (BÀI TẬP LỚN)					
Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Tốt (8,5 điểm - 10 điểm)	Khá (7,0 điểm - 8,4 điểm)	Trung bình (4,0 điểm - 6,9 điểm)	Yếu (<4,0 điểm)
Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn.	20	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 50-80% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm
Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu.	50	Nội dung được phân tích kỹ càng với các lập luận sáng tạo và có bằng chứng vững vàng hỗ trợ cho chủ đề.	Nội dung thể hiện các quan điểm được phát triển đầy đủ với căn cứ vững chắc.	Nội dung thể hiện quan điểm và lập luận.	Trình bày vài quan điểm và lập luận nhưng hầu hết chưa được phát triển đầy đủ.
Hình thức trình bày	20	Nhất quán về format trong toàn bài, không có lỗi chính tả	Vài sai sót nhỏ về format, một vài lỗi chính tả nhỏ	Format vài chỗ không thống nhất, lỗi chính tả khá nhiều	Format rất nhiều chỗ không nhất quán, lỗi chính tả rất nhiều
Ý tưởng sáng tạo	10	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng	Ý tưởng được thể hiện đầy đủ	Mới chỉ nêu được ý tưởng	Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo

R.03. Rubric đánh giá tiểu luận cá nhân

TT	Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
	Hình	<i>Bố cục</i>	Bố cục đầy đủ các phần và độ dài theo quy định của Khoa; các chương mục rõ ràng và lô-gic.	Bố cục tương đối đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 20% so với quy định của Khoa; các chương mục tương đối rõ ràng và lô-gic.	Bố cục tương đối đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 30% so với quy định của Khoa; các chương mục chưa rõ ràng và lô-gic.	Bố cục chưa đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 40% so với quy định của Khoa; các chương mục chưa rõ ràng và lô-gic.	Bố cục chưa đầy đủ và độ dài chênh lệch từ 50% trở lên so với quy định của Khoa; các chương mục không rõ ràng và lô-gic.	100%

1	thức		Nguồn TLTK phong phú, chính thống; danh mục TLTK được sắp xếp hợp lý và đúng yêu cầu, các chú dẫn được trích dẫn đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK khá phong phú, chính thống; 1/3 TLTK chưa được sắp xếp đúng quy định và một số trích dẫn chưa đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK chưa phong phú, một số tài liệu thiếu tính chính thống; khoảng 1/2 TLTK bị sắp xếp lộn xộn và thiếu các chú dẫn theo thể thức quy định.	Nguồn TLTK nghèo nàn, đa số không chính thống; khoảng 2/3 mục trích dẫn TLTK và các chú dẫn chưa đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK nghèo nàn, không chính thống; sắp xếp TLTK và các chú dẫn không đúng thể thức quy định.	(10 điểm)
		<i>Lỗi chính tả, ngữ pháp, diễn đạt, hình thức trình bày</i>	Không có lỗi về ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt súc tích, mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Còn một số ít lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Khá nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt thiếu mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ tương đối rõ ràng, đúng quy định.	Nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt lủng củng, tối nghĩa; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ chưa rõ ràng, chưa đúng quy định.	Còn rất nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; văn phong không phù hợp, câu văn lủng củng, tối nghĩa; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không rõ ràng, không đúng quy định.	
2	Nội dung	<i>Luận điểm</i>	Có đưa ra quan điểm cá nhân có tính khoa học và sáng tạo; nêu và phân tích luận điểm rõ ràng và toàn diện.	Có đưa ra quan điểm cá nhân có tính khoa học; nêu và phân tích luận điểm rõ ràng.	Có đưa ra quan điểm cá nhân nhưng tính khoa học không cao; nêu luận điểm tương đối rõ ràng, phân tích chưa toàn diện.	Chưa đưa ra được quan điểm cá nhân; nêu luận điểm nhưng không phân tích.	Không đưa ra được quan điểm cá nhân và luận điểm mà chỉ tổng hợp từ các nguồn TLTK.	70% (7 điểm)
		<i>Dẫn chứng</i>	Nêu và phân tích dẫn chứng một cách logic, khoa học, bảo vệ được luận điểm.	Có nêu nhưng chưa phân tích chi tiết các dẫn chứng dù có thể phân nào đó bảo vệ được luận điểm.	Chỉ nêu và không phân tích dẫn chứng, không có sự kết nối tương quan giữa luận điểm và dẫn chứng.	Có rất ít dẫn chứng, hoàn toàn không có sự kết nối tương quan giữa luận điểm và dẫn chứng.	Không có dẫn chứng minh họa.	

R.04. Rubric đánh giá tiêu luận nhóm

TT	Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
1	Hình thức	<i>Bố cục</i>	Bố cục đầy đủ các phần và độ dài theo quy định của Khoa; các chương mục rõ ràng và lô-gic.	Bố cục tương đối đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 20% so với quy định của Khoa; các chương mục tương đối rõ ràng và lô-gic.	Bố cục tương đối đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 30% so với quy định của Khoa; các chương mục chưa rõ ràng và lô-gic.	Bố cục chưa đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 40% so với quy định của Khoa; các chương mục chưa rõ ràng và lô-gic.	Bố cục chưa đầy đủ và độ dài chênh lệch từ 50% trở lên so với quy định của Khoa; các chương mục không rõ ràng và lô-gic.	40% (4 điểm)
		<i>Tài liệu tham khảo</i>	Nguồn TLTK phong phú, chính thống; danh mục TLTK được sắp xếp hợp lý và đúng yêu cầu, các chú dẫn được trích dẫn đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK khá phong phú, chính thống; 1/3 TLTK chưa được sắp xếp đúng quy định và một số trích dẫn chưa đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK chưa phong phú, một số tài liệu thiếu tính chính thống; khoảng 1/2 TLTK bị sắp xếp lộn xộn và thiếu các chú dẫn theo thể thức quy định.	Nguồn TLTK nghèo nàn, đa số không chính thống; khoảng 2/3 mục trích dẫn TLTK và các chú dẫn chưa đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK nghèo nàn, không chính thống; sắp xếp TLTK và các chú dẫn không đúng thể thức quy định.	
		<i>Lỗi chính tả, ngữ pháp, diễn đạt, hình thức trình bày</i>	Không có lỗi về ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt súc tích, mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Còn một số ít lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Khá nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt thiếu mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ tương đối rõ ràng, đúng quy định.	Nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt lung củng, tối nghĩa; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ chưa rõ ràng, chưa đúng quy định.	Còn rất nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; văn phong không phù hợp, câu văn lung củng, tối nghĩa; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không rõ ràng, không đúng quy định.	
2	Nội dung	<i>Luận điểm</i>	Có đưa ra quan điểm cá nhân có tính khoa	Có đưa ra quan điểm cá nhân có tính khoa	Có đưa ra quan điểm cá nhân nhưng tính khoa học	Chưa đưa ra được quan điểm cá nhân;	Không đưa ra được quan điểm cá nhân và	50% (5 điểm)

			học và sáng tạo; nêu và phân tích luận điểm rõ ràng và toàn diện.	học; nêu và phân tích luận điểm rõ ràng.	không cao; nêu luận điểm tương đối rõ ràng, phân tích chưa toàn diện.	nêu luận điểm nhưng không phân tích.	luận điểm mà chỉ tổng hợp từ các nguồn TLTK.	
		<i>Dẫn chứng</i>	Nêu và phân tích dẫn chứng một cách logic, khoa học, bảo vệ được luận điểm.	Có nêu nhưng chưa phân tích chi tiết các dẫn chứng dù có thể phân nào đó bảo vệ được luận điểm.	Chỉ nêu và không phân tích dẫn chứng, không có sự kết nối tương quan giữa luận điểm và dẫn chứng.	Có rất ít dẫn chứng, hoàn toàn không có sự kết nối tương quan giữa luận điểm và dẫn chứng.	Không có dẫn chứng minh họa.	
3	Kỹ năng nhóm	<i>Hiệu quả làm việc nhóm</i>	Các thành viên hoàn tốt nhiệm vụ của mình. Tất cả thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; nhóm trả lời tốt các câu hỏi của đề tài.	Các thành viên hoàn thành tương đối công việc, có sự khác biệt trong chất lượng công việc của các thành viên; 80% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời tốt 80% câu hỏi của đề tài.	Các thành viên hoàn thành tương đối công việc, có sự khác biệt rõ ràng trong chất lượng công việc của các thành viên; 60% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời tốt 60% câu hỏi của đề tài.	Một số thành viên không tham gia làm việc nhóm; dưới 50% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời được dưới 50% câu hỏi của đề tài.	Các thành viên không hoàn thành công việc đúng khối lượng và thời gian quy định; dưới 50% các thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm không trả lời được các câu hỏi của đề tài.	10% (0,5 điểm)
		<i>Khả năng lãnh đạo</i>	Phân chia công việc hợp lý; có kỹ năng giải quyết vấn đề hiệu quả	Phân chia công việc tương đối hợp lý; một số vấn đề của nhóm chưa được giải quyết hiệu quả	Phân chia công việc tương đối hợp lý	Phân chia công việc chưa hợp lý	Phân chia công việc không hợp lý	5% (0,5 điểm)

* **Lưu ý:** Bài tiểu luận có tỷ lệ sao chép nguyên văn, không trích dẫn nguồn từ 30% trở lên sẽ bị đánh giá là đạo văn và nhận điểm 0

R.05. Rubric đánh giá bài thuyết trình nhóm

TT	Tiêu chí Chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
1	Nội dung	Nội dung	Trình bày đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung được nêu ra một cách logic; tất cả các nội dung đều có phân tích rõ ràng, có luận điểm hoặc ví dụ minh họa.	Trình bày đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung được nêu ra một cách logic; một số nội dung chưa có phân tích rõ ràng, chưa có luận điểm hoặc ví dụ minh họa.	Trình bày đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung được nêu ra một cách logic; khoảng 1/2 nội dung chưa có phân tích rõ ràng, chưa có luận điểm hoặc ví dụ minh họa.	Trình bày không đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung chưa được nêu ra một cách logic; khoảng 2/3 nội dung chưa có phân tích rõ ràng, chưa có luận điểm hoặc ví dụ minh họa.	Trình bày nhiều nội dung không đúng nội dung của đề tài.	40% (4 điểm)
			Bố cục đầy đủ các mục so với quy định.	Bố cục thiếu tối đa 2 mục so với quy định.	Bố cục còn thiếu tối đa 3 mục so với quy định.	Bố cục còn thiếu tối đa 4 mục so với quy định	Bố cục lủng củng, các mục sắp xếp lộn xộn, thiếu nội dung so với quy định	
2	Thuyết trình	Phong cách thuyết trình	Phong cách trình bày tự tin; Diễn đạt gãy gọn, súc tích, giọng nói rõ ràng, dễ nghe; Không phụ thuộc vào slides; Sử dụng tốt ngôn ngữ hình thể và tương tác tốt với người nghe	Phong cách trình bày tự tin; Diễn đạt tương đối gãy gọn, súc tích, giọng nói khá rõ ràng, dễ nghe; Đôi chỗ còn phụ thuộc vào slides; Sử dụng tương đối tốt ngôn ngữ hình thể và có tương tác với người Nghe	Phong cách trình bày chưa thật tự tin; Diễn đạt một số chỗ chưa gãy gọn, súc tích, giọng nói rõ ràng, dễ nghe; Còn phụ thuộc vào slides; Chưa sử dụng tốt ngôn ngữ hình thể và chưa tương tác với người nghe	Phong cách trình bày chưa tự tin; Diễn đạt còn lủng củng, giọng nói không rõ ràng, dễ nghe; Còn phụ thuộc nhiều vào slides; Chưa sử dụng tốt ngôn ngữ hình thể và chưa tương tác với người nghe	Không tự tin khi trình bày; diễn đạt lủng củng, khó hiểu; Giọng nói nhỏ, khó nghe; Phụ thuộc hoàn toàn vào slides; Không tương tác với người nghe	40% (4 điểm)

		<i>Hình thức slides</i>	Font chữ to, rõ, màu chữ hợp lý, có thể đọc được từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa chất lượng tốt, phù hợp với nội dung; Các hiệu ứng được sử dụng hợp lý; Phối màu đẹp, rõ ràng, nổi bật nội dung.	Font chữ to, rõ, màu chữ hợp lý, có thể đọc được từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa phù hợp với nội dung; Các hiệu ứng được sử dụng tương đối hợp lý; Phối màu rõ ràng	Font chữ to, rõ, màu chữ hợp lý, có thể đọc được từ cuối lớp; Có hình ảnh minh họa hung một số chỗ chưa phù hợp với nội dung; Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu chưa nổi bật nội dung	Font chữ, màu chữ chưa hợp lý, có khó khăn khi đọc từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa sơ sài, chưa phù hợp với nội dung; Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu chưa nổi bật nội dung	Font chữ, màu chữ chưa hợp lý, có khó khăn khi đọc từ giữa lớp; Không có hình ảnh minh họa; Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu không hợp lý	
		<i>Thời gian trình bày</i>	Đúng thời gian quy định	Quá thời gian quy định < 2 phút	Quá thời gian quy định từ 2 đến < 4 phút	Quá thời gian quy định từ 4 đến < 5 phút	Quá thời gian quy định >5 phút	
3	Kỹ năng Nhóm	<i>Hiệu quả làm việc nhóm</i>	Các thành viên hoàn tốt nhiệm vụ của mình. Tất cả thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; nhóm trả lời tốt các câu hỏi của đề tài.	Các thành viên hoàn thành tương đối công việc, có sự khác biệt trong chất lượng công việc của các thành viên; 80% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời tốt 80% câu hỏi của đề tài.	Các thành viên hoàn thành tương đối công việc, có sự khác biệt rõ ràng trong chất lượng công việc của các thành viên; 60% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời tốt 60% câu hỏi của đề tài.	Một số thành viên không tham gia làm việc nhóm; dưới 50% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời được dưới 50% câu hỏi của đề tài.	Các thành viên không hoàn thành công việc đúng khối lượng và thời gian quy định; dưới 50% các thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm không trả lời được các câu hỏi của đề tài.	15% (1,5 điểm)
		<i>Khả năng lãnh đạo</i>	Phân chia công việc hợp lý; có kỹ năng giải quyết vấn đề hiệu quả	Phân chia công việc tương đối hợp lý; một số vấn đề của nhóm	Phân chia công việc tương đối hợp lý	Phân chia công việc chưa hợp lý	Phân chia công việc không hợp lý	5% (0,5 điểm)

				chưa được giải quyết hiệu quả				
--	--	--	--	-------------------------------------	--	--	--	--

R.06. Kiểm tra tự luận

TT	Tiêu chí Chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
1	Nội dung và hình thức trình bày	<p>Câu hỏi bậc 1: trình bày tái hiện kiến thức</p> <p>Câu hỏi bậc 2,3: Phân tích, chứng minh, đánh giá vấn đề, vận dụng</p>	<p>Trình bày đúng và đầy đủ các nội dung nêu trong đáp án. Không có hoặc có 1-2 lỗi chính tả và diễn đạt.</p> <p>Thể hiện hiểu biết sâu sắc và quan điểm cá nhân về vấn đề nêu ra. Có dẫn chứng và lập luận thuyết phục để bảo vệ quan điểm của mình. Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học một cách thuyết phục. Không có hoặc có 1-2 lỗi chính tả và diễn đạt</p>	<p>Trình bày đúng và đạt 70-80% nội dung nêu trong đáp án. - Có 3-4 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt</p> <p>Thể hiện hiểu biết tương đối toàn diện về vấn đề nêu ra. - Có đưa ra quan điểm cá nhân. - Dẫn chứng và lập luận chưa thực sự chặt chẽ. - Vận dụng được kiến thức kỹ năng đã học nhưng chưa thuyết phục. - Có 3-4 lỗi chính tả và diễn đạt.</p>	<p>Trình bày đúng và đạt 50-60% nội dung nêu trong đáp án. - Có 5-6 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt.</p> <p>Thể hiện được hiểu biết về vấn đề. Chưa đưa ra được ý kiến cá nhân. - Chưa nêu được dẫn chứng và xây dựng lập luận. - Chưa vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học. - Có 5-6 lỗi chính tả và diễn đạt.</p>	<p>Trình bày đúng và đạt 40-50% nội dung nêu trong đáp án. Có trên 6 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt.</p> <p>Trình bày vấn đề một cách đơn giản. Chưa đưa ra được ý kiến cá nhân. Chưa nêu được dẫn chứng và xây dựng lập luận. Chưa vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học. Có trên 6 lỗi chính tả và diễn đạt.</p>	<p>- Trình bày đúng và đạt dưới 40% nội dung trong đáp án. - Có trên 6 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt.</p> <p>Trình bày một cách sơ sài về vấn đề được yêu cầu.</p>	Giảng viên điều chỉnh theo từng đề thi cụ thể

R.07. Rubric đánh giá Đề án/Luận văn tốt nghiệp

TT	Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng (HD chấm)
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
PHẦN 1. QUYỀN KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP								
1	Đề tài và phương pháp nghiên cứu	<i>Đề tài</i>	Đề tài liên quan và có ý nghĩa đối với ngành học hoặc có giá trị thực tiễn cao.	Đề tài tương đối liên quan và tương đối có ý nghĩa đối với ngành học hoặc có giá trị thực tiễn.	Đề tài có mức độ liên quan và có ý nghĩa đối với ngành học hoặc có giá trị thực tiễn ở mức độ trung bình.	Đề tài ít liên quan và không có ý nghĩa đáng kể đối với ngành học và không có giá trị thực tiễn đáng kể.	Không liên quan và không có ý nghĩa đối với ngành học, không có giá trị thực tiễn.	
		<i>Phương pháp nghiên cứu</i>	Phương pháp nghiên cứu phù hợp và đa dạng; các dữ liệu và số liệu được sử dụng, lý giải hợp lý và sáng tạo.	Phương pháp nghiên cứu phù hợp và đa dạng; các dữ liệu và số liệu được sử dụng, lý giải hợp lý.	Phương pháp nghiên cứu tương đối phù hợp và đa dạng; các dữ liệu và số liệu được sử dụng, lý giải tương đối hợp lý.	Phương pháp nghiên cứu không phù hợp với đề tài; các dữ liệu và số liệu chưa đa dạng; một phần các dữ liệu và số liệu chưa được sử dụng, lý giải hợp lý.		
2	Hình thức	<i>Bố cục</i>	Bố cục đầy đủ các phần và độ dài theo quy định của Khoa; các chương mục rõ ràng và lô- gic.	Bố cục tương đối đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 20% so với quy định của Trường; các chương mục tương	Bố cục tương đối đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 30% so với quy định	Bố cục chưa đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 40% so với quy định của	Bố cục chưa đầy đủ và độ dài chênh lệch từ 50% trở lên so với quy định của Trường; các chương	

				đôi rõ ràng và lô-gic.	của Trường; các chương mục chưa rõ ràng và lô-gic	Trường; các chương mục chưa rõ ràng và lô-gic.	mục không rõ ràng và lô-gic.	
		<i>Tài liệu tham khảo</i>	Nguồn TLTK phong phú, chính thống; danh mục TLTK được sắp xếp hợp lý và đúng yêu cầu, các chú dẫn được trích dẫn đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK khá phong phú, chính thống; 1/3 TLTK chưa được sắp xếp đúng quy định và một số trích dẫn chưa đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK chưa phong phú, một số tài liệu thiếu tính chính thống; khoảng 1/2 TLTK bị sắp xếp lộn xộn và thiếu các chú dẫn theo thể thức quy định.	Nguồn TLTK nghèo nàn, đa số không chính thống; khoảng 2/3 mục trích dẫn TLTK và các chú dẫn chưa đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK nghèo nàn, không chính thống; sắp xếp TLTK và các chú dẫn không đúng thể thức quy định.	
		<i>Lỗi chính tả, ngữ pháp, diễn đạt, hình thức trình bày</i>	Không có lỗi về ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt súc tích, mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Còn một số ít lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Khá nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt thiếu mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ tương đối rõ ràng, đúng quy định.	Nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt lung củng, tối nghĩa; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ chưa rõ ràng, chưa đúng quy định.	Còn rất nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; văn phong không phù hợp, câu văn lung củng, tối nghĩa; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không rõ ràng, không đúng quy định.	
3	Nội	<i>Luận điểm</i>	Có đưa ra quan điểm cá nhân có tính khoa học và sáng tạo; nêu và phân tích	Có đưa ra quan điểm cá nhân có tính khoa học; nêu và phân tích luận điểm rõ	Có đưa ra quan điểm cá nhân nhưng tính khoa học	Chưa đưa ra được quan điểm cá nhân; nêu luận điểm nhưng	Không đưa ra được quan điểm cá nhân và luận điểm mà chỉ tổng hợp từ	

	dung		luận điểm rõ ràng và toàn diện.	ràng.	không cao; nêu luận điểm tương đối rõ ràng, phân tích chưa toàn diện.	không phân tích.	các nguồn TLTK.	
		<i>Dẫn chứng</i>	Nêu và phân tích dẫn chứng một cách logic, khoa học, bảo vệ được luận điểm.	Có nêu nhưng chưa phân tích chi tiết các dẫn chứng dù có thể phần nào đó bảo vệ được luận điểm.	Chỉ nêu và không phân tích dẫn chứng, không có sự kết nối tương quan giữa luận điểm và dẫn chứng.	Có rất ít dẫn chứng, hoàn toàn không có sự kết nối tương quan giữa luận điểm và dẫn chứng.	Không có dẫn chứng minh họa.	

PHẦN 2. BẢO VỆ LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP

		<i>Bố cục</i>	Bố cục đầy đủ các mục so với quy định	Bố cục thiếu tối đa 2 mục so với quy định.	Bố cục còn thiếu tối đa 3 mục so với quy định.	Bố cục còn thiếu tối đa 4 mục so với quy định	Bố cục lủng củng, các mục sắp xếp lộn xộn, thiếu nội dung so với quy định	
1	Thuyết trình	<i>Phong cách thuyết trình</i>	Phong cách trình bày tự tin; Diễn đạt gãy gọn, súc tích, giọng nói rõ ràng, dễ nghe; Không phụ thuộc vào slides; Sử dụng tốt ngôn ngữ hình thể và tương tác tốt với người nghe	Phong cách trình bày tự tin; Diễn đạt tương đối gãy gọn, súc tích, giọng nói khá rõ ràng, dễ nghe; Đôi chỗ còn phụ thuộc vào slides; Sử dụng tương đối tốt ngôn ngữ hình thể và có tương tác với người	Phong cách trình bày chưa thật tự tin; Diễn đạt một số chỗ chưa gãy gọn, súc tích, giọng nói rõ ràng, dễ nghe; Còn phụ thuộc vào slides; Chưa sử dụng tốt	Phong cách trình bày chưa tự tin; Diễn đạt còn lủng túng, giọng nói không rõ ràng, dễ nghe; Còn phụ thuộc nhiều vào slides; Chưa sử dụng tốt ngôn ngữ	Không tự tin khi trình bày; diễn đạt lủng củng, khó hiểu; Giọng nói nhỏ, khó nghe; Phụ thuộc hoàn toàn vào slides; Không tương tác với người nghe	

				nghe	ngôn ngữ hình thể và chưa tương tác với người nghe	hình thể và chưa tương tác với người nghe		
		<i>Hình thức slides</i>	Font chữ to, rõ, màu chữ hợp lý, có thể đọc được từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa chất lượng tốt, phù hợp với nội dung; Các hiệu ứng được sử dụng hợp lý; Phối màu đẹp, rõ ràng, nổi bật nội dung	Font chữ to, rõ, màu chữ hợp lý, có thể đọc được từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa phù hợp với nội dung; Các hiệu ứng được sử dụng tương đối hợp lý; Phối màu rõ ràng	Font chữ to, rõ, màu chữ hợp lý, có thể đọc được từ cuối lớp; Có hình ảnh minh họa nhưng một số chỗ chưa phù hợp với nội dung; Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu chưa nổi bật nội dung	Font chữ, màu chữ chưa hợp lý, có khó khăn khi đọc từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa sơ sài, chưa phù hợp với nội dung; Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu chưa nổi bật nội dung	Font chữ, màu chữ chưa hợp lý, có khó khăn khi đọc từ giữa lớp; Không có hình ảnh minh họa; Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu không hợp lý	
		<i>Thời gian trình bày</i>	Đúng thời gian quy định	Quá thời gian quy định < 2 phút	Quá thời gian quy định từ 2 đến < 4 phút	Quá thời gian quy định từ 4 đến < 5 phút	Quá thời gian quy định >5 phút	
2	Trả lời câu hỏi	<i>Kiến thức</i>	Thể hiện hiểu biết sâu sắc về chủ đề, bảo vệ được quan điểm cá nhân.	Thể hiện hiểu biết tương đối về chủ đề, bảo vệ quan điểm cá nhân nhưng chưa thuyết phục.	Thể hiện hiểu biết còn hạn chế về chủ đề, bảo vệ quan điểm cá nhân nhưng chưa thuyết phục.	Thể hiện hiểu biết hạn chế về chủ đề, không bảo vệ được quan điểm cá nhân.	Không có hiểu biết về chủ đề hoặc lạc đề, không có quan điểm cá nhân.	

			logic; nêu và phân tích dẫn chứng phù hợp, thuyết phục.	chưa hợp lý; nêu dẫn chứng phù hợp nhưng phân tích chưa thuyết phục.	dẫn chứng tương đối phù hợp nhưng phân tích chưa thuyết phục.	nêu được dẫn chứng phù hợp.	gic, khó hiểu; không nêu được dẫn chứng.	
		<i>Phản xạ</i>	Ngay lập tức đưa ra câu trả lời rõ ràng đúng trọng tâm, không cần gọi mở từ phía giáo viên.	Cần thời gian từ 5-10 giây để trả lời câu hỏi ở mức độ tổng quan, đi vào chi tiết với câu hỏi gọi mở từ phía giáo viên.	Lúng túng trước câu hỏi. Trả lời được ở mức độ tổng quan sau khi giáo viên đặt câu hỏi gọi mở.	Không hiểu câu hỏi và yêu cầu giáo viên nhắc lại câu hỏi hoặc gọi mở. Trả lời chưa rõ ràng sau khi giáo viên đặt câu hỏi gọi mở.	Không trả lời được câu hỏi kể cả khi giáo viên đã đặt nhiều câu hỏi gọi mở.	

R.08. Rubric đánh giá Thực tập tốt nghiệp

TT	Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
1	Thái độ	<i>Thực hiện các thủ tục & báo cáo định kỳ</i>	Thực hiện đầy đủ và đúng hạn tất cả các thủ tục, báo cáo theo yêu cầu của đơn vị thực tập, GVHD & Khoa.	Thực hiện đầy đủ các thủ tục, báo cáo theo yêu cầu của đơn vị thực tập, GVHD & Khoa, đôi lúc trễ hạn có lý do chính đáng.	Thực hiện tương đối đầy đủ các thủ tục, báo cáo theo yêu cầu của đơn vị thực tập, GVHD & Khoa, thỉnh thoảng trễ hạn có lý do chính đáng.	Thực hiện tương đối đầy đủ các thủ tục, báo cáo theo yêu cầu của đơn vị thực tập, GVHD & Khoa, hay trễ hạn có lý do chính đáng.	Thực hiện không đầy đủ và không đúng hạn các thủ tục, báo cáo theo yêu cầu của đơn vị thực tập, GVHD & Khoa.	20% (2,0 điểm)
2	Đánh giá của đơn vị thực tập	<i>Xếp loại của đơn vị thực tập</i>	Được đơn vị thực tập xếp loại Giỏi, nhận xét tích cực, không bị	Được đơn vị thực tập xếp loại Giỏi, còn bị phê bình,	Được đơn vị thực tập xếp loại Khá, còn bị phê bình, góp ý 2-3	Được đơn vị thực tập xếp loại Trung bình, còn bị phê bình, góp	Được đơn vị thực tập xếp loại Trung bình, còn	30% (3,0 điểm)

			phê bình, góp ý.	góp ý 1 điểm.	điểm.	ý 3-4 điểm.	bị phê bình, góp ý trên 4 điểm.	
3	Báo cáo thực tập tốt nghiệp	<i>Bố cục</i>	Bố cục đầy đủ các phần và độ dài theo quy định của Khoa; các chương mục rõ ràng và lô-gic.	Bố cục tương đối đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 20% so với quy định của Khoa; các chương mục tương đối rõ ràng và lô-gic.	Bố cục tương đối đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 30% so với quy định của Khoa; các chương mục chưa rõ ràng và lô-gic.	Bố cục chưa đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 40% so với quy định của Khoa; các chương mục chưa rõ ràng và lô-gic.	Bố cục chưa đầy đủ và độ dài chênh lệch từ 50% trở lên so với quy định của Khoa; các chương mục không rõ ràng và lô-gic.	5% (0,5 điểm)
		<i>Tài liệu tham khảo</i>	Nguồn TLTK phong phú, chính thống; danh mục TLTK được sắp xếp hợp lý và đúng yêu cầu, các chú dẫn được trích dẫn đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK khá phong phú, chính thống; 1/3 TLTK chưa được sắp xếp đúng quy định và một số trích dẫn chưa đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK chưa phong phú, một số tài liệu thiếu tính chính thống; khoảng 1/2 TLTK bị sắp xếp lộn xộn và thiếu các chú dẫn theo thể thức quy định.	Nguồn TLTK nghèo nàn, đa số không chính thống; khoảng 2/3 mục trích dẫn TLTK và các chú dẫn chưa đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK nghèo nàn, không chính thống; sắp xếp TLTK và các chú dẫn không đúng thể thức quy định.	5% (0,5 điểm)
		<i>Lỗi chính tả, ngữ pháp, diễn đạt,</i>	Không có lỗi về ngữ pháp và chính tả;	Còn một số ít lỗi ngữ pháp và chính tả; câu	Khá nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; câu	Nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn	Còn rất nhiều lỗi ngữ pháp và chính	10% (1,0 điểm)
		<i>Hình thức trình bày</i>	câu văn diễn đạt súc tích, mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	văn diễn đạt mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	văn diễn đạt thiếu mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ tương đối rõ ràng, đúng quy định.	đạt lung cùn, tối nghĩa; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ chưa rõ ràng, chưa đúng quy định.	tả; văn phong không phù hợp, câu văn lung cùn, tối nghĩa; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không rõ	10% (1,0 điểm)

							ràng, không đúng quy định.	
		<i>Nội dung</i>	Trình bày đầy đủ kiến thức tổng quan về đơn vị thực tập; trình bày, phân tích kiến thức chuyên môn và ý nghĩa của công việc đã thực tập một cách sâu sắc, khoa học.	Trình bày đầy đủ kiến thức tổng quan về đơn vị thực tập; trình bày, phân tích kiến thức chuyên môn và ý nghĩa của công việc đã thực tập tương đối sâu sắc, khoa học.	Trình bày đầy đủ kiến thức tổng quan về đơn vị thực tập; trình bày, phân tích kiến thức chuyên môn và ý nghĩa của công việc đã thực tập tương đối sâu sắc, nhưng chưa khoa học.	Trình bày tương đối đầy đủ kiến thức tổng quan về đơn vị thực tập; trình bày, phân tích kiến thức chuyên môn và ý nghĩa của công việc đã thực tập sơ sài.	Trình bày chưa đầy đủ kiến thức tổng quan về đơn vị thực tập; trình bày, phân tích kiến thức chuyên môn và ý nghĩa của công việc đã thực tập sơ sài.	30% (3,0 điểm)

PHỤ LỤC 2: BẢNG ĐỐI SÁNH CTĐT VỚI CÁC CTĐT TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA ĐỊA LÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG ĐỐI SÁNH KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO HIỆN
HÀNH VỚI KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ
NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ĐỊA LÝ**

1. Chương trình nghiên cứu

TT	Hạng mục	CTĐT của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng			CTĐT ngành LL&PPDH bộ môn Địa lí – Trường ĐHSP– Đại học Huế		
		Số tín chỉ	Tỉ lệ (%)		Số tín chỉ	Tỉ lệ (%)	
	Các khối kiến thức						
I	Học phần chung	4	6,7		7	11,7	
II	Kiến thức cơ sở ngành	23	38,3		16	26,2	
III	Kiến thức chuyên ngành	6	10,0		27	44,3	
IV	Chuyên đề	12	20,0		0	0	
V	Luận văn	15	25,0		11	18,3	
	Tổng số TC CTĐT	60	100%		61	100%	
I	Khối kiến thức chung	BB	TC	TCTD	BB	TC	TCTD
1	Triết học	4			4		
2	Tiếng Anh	0			3		
	TỔNG (I)	4			7		
II	Khối kiến thức cơ sở ngành	BB	TC	TCTD	BB	TC	TCTD
1	Lí luận dạy học hiện đại	3					
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	3					
3	Chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học	3					
4	Dạy học số	3					
7	Hoạt động trải nghiệm ở trường trung học			3			
8	Quản trị nhà trường hướng tới phẩm chất, năng lực người học			3			
9	Quản lí lớp học hiệu quả			2			

10	<i>Giáo dục quốc tế và so sánh</i>			2			
11	<i>Công nghệ giáo dục</i>			2			
12	Những vấn đề địa lí tự nhiên đại cương				2		
13	Những vấn đề địa lí KT-XH đại cương				2		
14	Bản đồ chuyên đề				2		
15	Hệ thống thông tin địa lí				2		
16	Cơ sở sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường				2		
17	<i>Toán ứng dụng trong địa lí</i>						2
18	<i>Những vấn đề kinh tế học trong địa lí</i>						2
19	<i>Biến đổi khí hậu và giải pháp thích ứng</i>						2
20	<i>Tổ chức dạy học địa lí</i>						2
21	<i>Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục trong địa lí</i>						2
	TỔNG (II)	12		12	10		10
III	Khối kiến thức chuyên ngành	BB	TC	TCTD	BB	TC	TCTD
1	Chuyên đề Đánh giá trong dạy học Địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	3					
2	Chuyên đề Tiếp cận năng lực trong phát triển chương trình giáo dục môn Địa lí	3					
3	Chuyên đề Phát triển tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông	3					
4	Chuyên đề Giáo dục vì sự phát triển bền vững	3					
	<i>Phát triển năng lực học sinh trong dạy học bộ môn</i>			2			
	<i>Địa lí tự nhiên và kinh tế - xã hội nâng cao</i>			2			
	<i>Phát triển tư liệu dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>			2			
	<i>Ứng dụng GIS nâng cao trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>			2			
11	Lý luận dạy học địa lí hiện đại				3		
12	Những vấn đề dạy học địa lí hiện nay ở phổ thông				3		
13	Dạy học tích hợp và phân hóa trong Địa lí				2		

14	Kỹ thuật dạy học địa lí				3		
15	Phát triển chương trình giáo dục địa lí				3		
17	Kiểm tra đánh giá theo định hướng năng lực trong môn Địa lí				3		
18	Biên soạn tài liệu và dạy học địa lí địa phương				2		2
19	<i>Nghiên cứu và giảng dạy về giáo dục dân số trong Địa lí</i>						2
20	<i>Giáo dục di sản và môi trường trong Địa lí</i>						2
21	<i>Phát triển kỹ năng địa lí</i>						2
22	<i>Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong môn Địa lí</i>						2
23	<i>Dạy học theo chủ đề trong môn Địa lí</i>						2
24	<i>Phát triển năng lực nghiệp vụ sư phạm địa lí</i>						2
	TỔNG (III)	12		8	15		14
IV	Luận văn	15			11		

2. Chương trình ứng dụng

TT	Hạng mục	CTĐT của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng			CTĐT ngành LL&PPDH bộ môn Địa lí – Trường ĐHSP – Đại học Huế		
		Số tín chỉ	Tỉ lệ (%)		Số tín chỉ	Tỉ lệ (%)	
	Các khối kiến thức						
I	Học phần chung	4	6,7		7	13,7	
II	Kiến thức cơ sở ngành	26	43,3		12	23,6	
III	Kiến thức chuyên ngành	15	25,0		25	49,0	
IV	Thực tập	6	10,0		0	0	
V	Đề án tốt nghiệp	9	15,0		7	13,7	
	Tổng số TC CTĐT	60	100%		51	100%	
I	Khối kiến thức chung	BB	TC	TCTD	BB	TC	TCTD
1	Triết học	4			4		
2	Tiếng Anh	0			3		
	TỔNG (I)	4			7		

II	Khối kiến thức cơ sở ngành	BB	TC	TCTD	BB	TC	TCTD
1	Lí luận dạy học hiện đại	3					
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	3					
3	Chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học	3					
4	Đánh giá trong giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	3					
5	Phát triển chương trình giáo dục	3					
6	Dạy học số	3					
7	<i>Hoạt động trải nghiệm ở trường trung học</i>			3			
8	<i>Quản trị nhà trường hướng tới phẩm chất, năng lực người học</i>			3			
9	<i>Quản lí lớp học hiệu quả</i>			2			
10	<i>Giáo dục quốc tế và so sánh</i>			2			
11	<i>Công nghệ giáo dục</i>			2			
12	Những vấn đề địa lí tự nhiên đại cương				2		
13	Những vấn đề địa lí KT-XH đại cương				2		
14	Bản đồ chuyên đề				2		
15	Cơ sở sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường				2		
16	<i>Biến đổi khí hậu và giải pháp thích ứng</i>						2
17	<i>Hệ thống thông tin địa lí</i>						2
18	<i>Tổ chức dạy học địa lí</i>						2
19	<i>Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục trong địa lí</i>						2
	TỔNG (II)	18		12	8		8
III	Khối kiến thức chuyên ngành						
1	Dạy học Địa lí ở trường phổ thông theo tiếp cận phát triển năng lực	3					
2	Địa lí tự nhiên và kinh tế - xã hội nâng cao	3					
3	<i>Phát triển tư liệu dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>			3			

4	<i>Phát triển tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>			3			
5	<i>Dạy học phân hoá trong môn Địa lí ở trường phổ thông</i>			3			
6	<i>Giáo dục vì sự phát triển bền vững</i>			3			
7	<i>Ứng dụng GIS nâng cao trong dạy học địa lí</i>			3			
11	Lý luận dạy học địa lí hiện đại				3		
12	Những vấn đề dạy học địa lí hiện nay ở phổ thông				3		
13	Dạy học tích hợp và phân hóa trong Địa lí				2		
14	Kỹ thuật dạy học địa lí				3		
15	Phát triển chương trình giáo dục địa lí				3		
17	Kiểm tra đánh giá theo định hướng năng lực trong môn Địa lí				3		
18	<i>Biên soạn tài liệu và dạy học địa lí địa phương</i>						2
19	<i>Nghiên cứu và giảng dạy về giáo dục dân số trong Địa lí</i>						2
20	<i>Giáo dục di sản và môi trường trong Địa lí</i>						2
21	<i>Phát triển kỹ năng địa lí</i>						2
22	<i>Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong môn Địa lí</i>						2
23	<i>Dạy học theo chủ đề trong môn Địa lí</i>						2
24	<i>Phát triển năng lực nghiệp vụ sư phạm địa lí</i>						2
	TỔNG (III)	6		15	17		8
IV	Thực tập	6					0
V	Đề án/ luận văn tốt nghiệp	9			7		

Phân tích và nhận xét:

Sau khi tiến hành so sánh khung chương trình đào tạo Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học địa lí của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng với khung chương trình đào tạo Thạc sĩ lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lí của trường Đại học Sư phạm Huế được công bố trên website của Trường, có thể nhận thấy:

1. Tổng số tín chỉ trong chương trình Thạc sĩ Lí luận và phương pháp dạy học địa lí của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng là 70TC và số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy là 60 đối với cả hai hướng ứng dụng và nghiên cứu. Trong khi đó, tổng số tín chỉ trong chương trình đào tạo Thạc sĩ lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lí của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế định hướng ứng dụng và nghiên cứu lần lượt là 61TC và 71TC, số tín chỉ tối thiểu người học phải tích lũy đều là lần lượt là 51TC và 61TC.

2. Các chương trình Thạc sĩ Lí luận và phương pháp dạy học địa lí của Đại học sư phạm – Đại học Huế đưa Ngoại ngữ là môn học thuộc mảng kiến thức chung, 3TC, trong khi chương trình của ĐHSPT – Đại học Đà Nẵng không có học phần này mà yêu cầu học viên phải đạt chuẩn ngoại ngữ theo quy định.

3. Chương trình Thạc sĩ Lí luận và phương pháp dạy học địa lí của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đối với chương trình nghiên cứu có các chuyên đề (12TC), đối với định hướng ứng dụng có thực tập sư phạm (6TC), trong khi chương trình của Đại học Sư phạm – Đại học Huế.

4. Luận văn tốt nghiệp đối với chương trình Thạc sĩ Lí luận và phương pháp dạy học Địa lí của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng là 15TC, nhiều hơn 4TC so với chương trình tương ứng của Đại học Sư phạm – Đại học Huế (11TC).

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 8 năm 2022

PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH

TRƯỞNG KHOA

10		<i>Giáo dục quốc tế và so sánh</i>		.R			.M,A		.M,A	.R									
11		<i>Phát triển năng lực học sinh trong dạy học bộ môn</i>		.M		.M,A		.R	.R										
12		<i>Định tính và định lượng trong nghiên cứu khoa học giáo dục</i>										.M,A	.M,A	.R				.R	
13		<i>Công nghệ giáo dục</i>		.I	.R	.R,A		.R	.I	.I					.M		.I		
14	3	<i>Tiếp cận năng lực trong phát triển chương trình giáo dục môn Địa lí</i>					R		R	M,A	M,A	M,A					R		
15		<i>Phát triển tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>		R	R,A	M,A												R	
16		<i>Giáo dục vì sự phát triển bền vững</i>	M,A	R,A													R	R	
17		<i>Địa lí tự nhiên nâng cao và địa lí nhân văn đương đại</i>	.M,A												.M				.R
18		<i>Phát triển tài liệu dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>		.R	.R,A	.M,A													.R
19		<i>Ứng dụng GIS nâng cao trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	.R			.R,A								.R		.R,A			
20			<i>Luận văn tốt nghiệp</i>		M,A								M,A	M,A	M,A			M,A	M,A

Tổng hợp số lượng học phần BB theo các mức độ đóng góp																		
Mức I	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0
Mức R	1	5	2	3	1	2	2	2	1	0	0	0	1	0	2	0	4	5
Mức M	1	1	1	1	2	0	1	0	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1
HP đóng góp	2	6	3	4	3	2	3	2	2	1	1	2	2	2	3	1	5	6
HP đánh giá PI	2	3	3	1	1	0	0	0	1	1	1	1	1	2	1	1	1	2
HP đánh giá PLO	5		5				0		3			4			2		3	

Ghi chú: Đánh giá mức độ đóng góp, hỗ trợ của các học phần vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT theo một trong ba mức: I (Introduced), R (Reinforced), M (Mastery).

- I (Introduced): Học phần có hỗ trợ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT và ở mức giới thiệu/bắt đầu;

- R (Reinforced): Học phần có hỗ trợ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu. Ở các học phần này, người học có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...;

- M (Mastery): Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT. Nếu người học hoàn thành tốt học phần này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (còn gọi là chỉ số đánh giá kết quả thực hiện PI - Performance Indicator) của chuẩn đầu ra của CTĐT hoặc thậm chí thuần thục/thành thạo cả chuẩn đầu ra của CTĐT đó.

- A (Assessed): Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO/PI) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI

13		<i>Giáo dục quốc tế và so sánh</i>		.R															.M					
14		<i>Công nghệ giáo dục</i>				.R			.R, A		.I	.I							.M					
15	3	Thực tập	R	M,A	M	M	M,A	M, A	M, A	M, A		M				M	M	R	M, A	M,A				
16		<i>Phát triển tư liệu dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>		.R		.M,A	.R												.M,A					
17		<i>Phát triển tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>		.R	.R,A		.M,A																.R	
18		<i>Dạy học phân hoá trong môn Địa lí ở trường phổ thông</i>		.R	.M,A		.M,A																.R	
19		<i>Giáo dục vì sự phát triển bền vững</i>	.R	.R,A																			.R	.R
20		<i>Ứng dụng GIS nâng cao trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	.R			.R,A										.R		.R						
21		Đồ án tốt nghiệp													M, A	M, A	M,A	R	R,A	M	M			
Tổng hợp số lượng học phần BB theo các mức độ đóng góp																								
Mức I			0	1	0	0	0	1	0	0	1	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	
Mức R			2	3	2	3	1	1	2	2	2	0	0	0	1	1	3	2	2	2	5	5	5	
Mức M			1	2	2	2	2	1	2	1	0	2	1	1	1	3	3	1	2	2	2	2	2	
HP đóng góp			3	6	4	5	3	3	4	3	3	2	1	2	2	4	7	3	4	4	7	7	7	
HP đánh giá PI			1	3	3	1	2	1	1	1	0	1	1	1	1	2	1	2	1	2	1	2	2	
HP đánh giá PLO			4			7			2			2			4		3				3	3	3	

Ghi chú: Đánh giá mức độ đóng góp, hỗ trợ của các học phần vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT theo một trong ba mức: I (Introduced), R (Reinforced), M (Mastery).

- I (Introduced): Học phần có hỗ trợ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT và ở mức giới thiệu/bắt đầu;

- R (Reinforced): Học phần có hỗ trợ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu. Ở các học phần này, người học có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...;

- M (Mastery): Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học trong việc thuần thục/thành thạo hay đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT. Nếu người học hoàn thành tốt học phần này thì xem như người học đã ở mức thuần thục/thành thạo một nội hàm quan trọng (còn gọi là chỉ số đánh giá kết quả thực hiện PI - Performance Indicator) của chuẩn đầu ra của CTĐT hoặc thậm chí thuần thục/thành thạo cả chuẩn đầu ra của CTĐT đó.

- A (Assessed): Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO/PI) cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI

PHỤ LỤC 4: TRÌNH TỰ GIẢNG DẠY CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA

1. CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Mức độ đáp ứng	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
PLO1	PLO1. Vận dụng kiến thức chuyên sâu của khoa học liên ngành và khoa học giáo dục vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục Địa lí ở các cơ sở giáo dục	PI1.1. Vận dụng được kiến thức khoa học liên ngành chuyên sâu vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục Địa lí	Triết học	R,A	CLO3: Đánh giá được giá trị khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế- xã hội đối với quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
			Giáo dục vì sự phát triển bền vững	M,A	Vận dụng được cách thức lồng ghép và hình thức tổ chức giáo dục vì sự phát triển bền vững vào dạy học, quá trình giáo dục vì sự phát triển bền vững trong trường học
			<i>Địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội nâng cao</i>	.M,A	CLO1: Phân tích các vấn đề của các thể tổng hợp tự nhiên, các quy luật địa lý chung và phân vùng địa lý tự nhiên hiện đại, các vấn đề của địa lí kinh tế - xã hội đương đại, đo lường và đánh giá phát triển kinh tế CLO2: Vận dụng những kiến thức địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội để xây dựng kế hoạch giảng dạy và áp dụng vào nghiên cứu khoa học Địa lí
			<i>Ứng dụng GIS nâng cao trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	.R	Hiểu được các kiến thức cơ bản về bản đồ số, các thành phần và các nguyên lý của hệ thống thông tin địa lý.

			Lí luận dạy học hiện đại	R,A	CLO2: Vận dụng các lí thuyết học tập, các chiến lược học tập và các lí thuyết giáo dục trong dạy học CLO3: Vận dụng các đặc trưng của dạy học theo tiếp cận phát triển năng lực về mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện và đánh giá học sinh vào dạy học
			Giáo dục vì sự phát triển bền vững	R,A	Phân tích được mối tương quan giữa giáo dục và phát triển bền vững, các nội dung cơ bản và chiến lược thực hiện giáo dục vì sự phát triển bền vững, những ảnh hưởng của giáo dục phát triển bền vững đối với sự phát triển kinh tế xã hội
		PI1.2.Vận dụng được kiến thức khoa học giáo dục chuyên sâu vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục Địa lí	Phát triển tư duy phân biện cho học sinh trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông	R	CLO1: Hiểu được bản chất, tầm quan trọng của tư duy phân biện đối với việc giáo dục và phát triển nhân cách của học sinh
			<i>Hoạt động trải nghiệm ở trường trung học</i>	.R	Phân tích được những vấn đề cơ bản về tiếp cận trải nghiệm trong dạy học và tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở nhà trường.
			<i>Phát triển năng lực học sinh trong dạy học bộ môn</i>	.M	Vận dụng được lí luận về năng lực và dạy học phát triển năng lực học sinh vào thực tiễn dạy học.
			<i>Phát triển tư liệu dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	.R	CLO1: Thể hiện kiến thức và hiểu biết về các lý thuyết thiết kế sư phạm và các công cụ để thiết kế tư liệu dạy học Địa lí ở trường phổ thông
			<i>Công nghệ giáo dục</i>	.I	- Phân tích được các khía cạnh của phương tiện với tư cách là một thành phần của Công nghệ dạy học - Phân tích và lựa chọn được các ứng dụng của công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong quá trình dạy học

			Đánh giá trong dạy học Địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	R	CLO1: Vận dụng được kiến thức chuyên sâu, cập nhật về đánh giá trong giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực
			Luận văn tốt nghiệp	M,A	CLO1: Thu thập, xác lập và phê bình kiến thức liên quan đến vấn đề từ các nghiên cứu trước đó
			<i>Giáo dục quốc tế và so sánh</i>	.R	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích và đánh giá được các cách tiếp cận trong nghiên cứu và giải quyết vấn đề của GDQT&SS. - Mô tả được ít nhất 01 nghiên cứu trong từng hướng nghiên cứu của GDQT&SS, phân tích và đánh giá được cách tiếp cận trong nghiên cứu đó. Đánh giá được giá trị của nghiên cứu đó đối với giáo dục. - Mô tả và phân tích được các xu thế phát triển giáo dục trên thế giới hiện nay, đối chiếu và nhận diện được các xu thế phát triển giáo dục Việt Nam. - Phân tích, so sánh chương trình giáo dục hoặc chương trình môn học của ít nhất 01 quốc gia trên thế giới với chương trình giáo dục tương ứng ở Việt Nam. - Phân tích, so sánh ít nhất 01 chính sách phát triển giáo dục của ít nhất 01 quốc gia trên thế giới với chính sách tương ứng ở Việt Nam. - Phân tích, so sánh hệ thống đào tạo giáo viên của ít nhất 02 quốc gia trên thế giới, đối chiếu với hệ thống đào tạo giáo viên ở Việt Nam.
			Chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học	R	Trình bày được các vấn đề chung của dạy học phát triển phẩm chất, năng lực
PLO2	PLO2. Thiết kế các hoạt động dạy học và giáo dục môn	PI2.1. Lựa chọn được phương pháp dạy học hiệu quả phát triển phẩm chất	Chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học	M,A	Lựa chọn, sử dụng được các chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh
			Phát triển tư duy phản biện cho học sinh	R,A	CLO2: Vận dụng được các chiến lược dạy học phù hợp để phát triển tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học Địa lí

Địa lí phát triển phẩm chất, năng lực người học	và năng lực của người học	trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông		
		<i>Hoạt động trải nghiệm ở trường trung học</i>	.R,A	Thiết kế được kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và hoạt động dạy học trải nghiệm ở nhà trường
		Lí luận dạy học hiện đại	R,A	CLO3: Vận dụng các đặc trưng của dạy học theo tiếp cận phát triển năng lực về mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện và đánh giá học sinh vào dạy học
	PI2.2. Thiết kế được các công cụ đánh giá và cải tiến hoạt động dạy học và giáo dục môn Địa lí	Lí luận dạy học hiện đại	R	CLO3: Vận dụng các đặc trưng của dạy học theo tiếp cận phát triển năng lực về mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện và đánh giá học sinh vào dạy học
		Dạy học số	R	Số hoá được các nội dung dạy học phù hợp với ngành học
		<i>Công nghệ giáo dục</i>	.R	Phân tích các ứng dụng của công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong quá trình dạy học
		Đánh giá trong dạy học Địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	M,A	CLO3: Thiết kế được các công cụ kiểm tra, xây dựng được các bảng kiểm và phiếu quan sát để phân loại, đánh giá người học; trên cơ sở đó xây dựng và cải tiến kế hoạch dạy học, giáo dục người học
		Chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học	R	CLO3: Thiết kế được các công cụ kiểm tra, xây dựng được các bảng kiểm và phiếu quan sát để phân loại, đánh giá người học; trên cơ sở đó xây dựng và cải tiến kế hoạch dạy học, giáo dục người học
		<i>Phát triển tư liệu dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	.M,A	CLO3: Ứng dụng hiệu quả CNTT để thiết kế tư liệu phục vụ hoạt động dạy học địa lí ở trường phổ thông
		<i>Ứng dụng GIS nâng cao trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	.R,A	Thành lập được bản đồ chuyên đề Địa lí và các biểu đồ phục vụ công tác dạy học địa lí

			<i>Hoạt động trải nghiệm ở trường trung học</i>	.R,A	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức thực hiện được kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và hoạt động dạy học trải nghiệm ở nhà trường - Xây dựng được kế hoạch đánh giá; thiết kế phương pháp, công cụ đánh giá; tổ chức thực hiện đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá hoạt động trải nghiệm trong quá trình giáo dục học sinh ở nhà trường. - Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực (nhân lực, vật lực, trí lực) của các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường khi tổ chức hoạt động trải nghiệm ở nhà trường
		PI2.3. Xây dựng linh hoạt kế hoạch dạy học và giáo dục môn Địa lí phát triển phẩm chất, năng lực người học	Phát triển tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông	M,A	CLO3: Thiết kế được các hoạt động dạy học và kế hoạch bài dạy với các hoạt động đòi hỏi tư duy phản biện
			<i>Công nghệ giáo dục</i>	.R,A	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được xu thế phát triển và ứng dụng được các công nghệ trong dạy học. - Vận dụng được các công nghệ phần mềm để thiết kế được các bài giảng, bài kiểm tra sử dụng trong dạy học trực tiếp trên lớp và dạy học online
			<i>Phát triển năng lực học sinh trong dạy học bộ môn</i>	.M,A	Xây dựng được một kế hoạch dạy học chi tiết với mục tiêu phát triển năng lực học sinh.
			Đánh giá trong dạy học Địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	M	CLO4: Vận dụng linh hoạt các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục người học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực
			<i>Phát triển tư liệu dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	.R	CLO2: Vận dụng được các mô hình thiết kế sơ phạm để phân tích, đánh giá nhu cầu thiết kế tư liệu trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông
			Chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học	R	Lựa chọn, sử dụng được các chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

			Đánh giá trong dạy học Địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	R	CLO2: Phát hiện và giải quyết được các vấn đề liên quan đến thực tiễn đánh giá trong dạy học địa lí và đề xuất hướng cải tiến giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học
		PI2.4. Điều chỉnh được kế hoạch dạy học và giáo dục Địa lí phát triển phẩm chất, năng lực người học	<i>Giáo dục quốc tế và so sánh</i>	.M,A	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những vấn đề chung của GDQT&SS: lịch sử hình thành, phát triển; các vấn đề và nhiệm vụ nghiên cứu. - Phân tích và đánh giá được các cách tiếp cận trong nghiên cứu và giải quyết vấn đề của GDQT&SS. Mô tả được ít nhất 01 nghiên cứu trong từng hướng nghiên cứu của GDQT&SS, phân tích và đánh giá được cách tiếp cận trong nghiên cứu đó. Đánh giá được giá trị của nghiên cứu đó đối với giáo dục. - Mô tả và phân tích được các xu thế phát triển giáo dục trên thế giới hiện nay, đối chiếu và nhận diện được các xu thế phát triển giáo dục Việt Nam. - Phân tích, so sánh cấu trúc hệ thống giáo dục quốc dân và mô hình nhà trường của ít nhất 02 quốc gia trên thế giới, đối chiếu với hệ thống giáo dục quốc dân và mô hình nhà trường Việt Nam. - Phân tích, so sánh chương trình giáo dục hoặc chương trình môn học của ít nhất 01 quốc gia trên thế giới với chương trình giáo dục tương ứng ở Việt Nam. - Phân tích, so sánh ít nhất 01 chính sách phát triển giáo dục của ít nhất 01 quốc gia trên thế giới với chính sách tương ứng ở Việt Nam. - Phân tích, so sánh hệ thống đào tạo giáo viên của ít nhất 02 quốc gia trên thế giới, đối chiếu với hệ thống đào tạo giáo viên ở Việt Nam.
			Tiếp cận năng lực trong phát triển chương trình giáo dục môn Địa lí	R	CLO2: Phát triển kế hoạch dạy học Địa lí gắn với đặc bối cảnh và những yêu cầu từ thực tiễn dạy học
PLO3	PLO3. Quản trị các hoạt động dạy học và	PI3.1. Tổ chức được các hoạt động đổi mới	Đánh giá trong dạy học Địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	R	Phát triển được các kỹ năng giao tiếp, dẫn dắt chuyên môn hỗ trợ đồng nghiệp, có tinh thần trách nhiệm, trung thực, chủ động tại các cơ sở giáo dục và đào tạo

giáo dục môn Địa lí ở các cơ sở giáo dục.	day học và giáo dục môn Địa lí	Day học số	M	Ứng dụng được công nghệ số để tổ chức dạy học trực tuyến, khoá học kết hợp
		<i>Phát triển năng lực học sinh trong dạy học bộ môn</i>	.R	Tổ chức được tiến trình dạy học phát triển năng lực người học trong dạy học Địa lí
		<i>Công nghệ giáo dục</i>	.R	Phân tích được quy trình phát triển và vận dụng được các ứng dụng vào dạy học dựa trên công nghệ
		<i>Quản trị hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường</i>	M,A	<ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra được các nhận định khách quan về thực tiễn quản trị hoạt động dạy học trong nhà trường Việt Nam hiện nay về các mặt: quản trị mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, điều kiện, phương tiện dạy học, kiểm tra-đánh giá kết quả dạy học. - Đề xuất được các biện pháp quản trị hoạt động dạy học trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay. - Phân tích được các vấn đề chung về quản trị hoạt động giáo dục trong nhà trường: quản trị mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, điều kiện, phương tiện, các lực lượng giáo dục, kiểm tra-đánh giá kết quả giáo dục. - Đưa ra được các nhận định khách quan về thực tiễn quản trị hoạt động giáo dục trong nhà trường Việt Nam hiện nay về các mặt: quản trị mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, điều kiện, phương tiện, các lực lượng giáo dục, kiểm tra-đánh giá kết quả giáo dục. - Đề xuất được các biện pháp quản trị hoạt động giáo dục học sinh trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.
		<i>Quản lí lớp học hiệu quả</i>	.M,A	<p>Trình bày được khái niệm, đặc điểm và các nguyên tắc quản lý lớp học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được các vấn đề về hành vi của học sinh. Đánh giá được hoạt động quản lý lớp học của giáo viên. Đề xuất được các biện pháp quản lý lớp học hiệu quả phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của học sinh và thực tiễn của nhà trường. - Xây dựng được môi trường vật chất (không gian lớp học) hiệu quả. - Xây dựng được môi trường tâm lý tích cực trong lớp học.

			<i>Hoạt động trải nghiệm ở trường trung học</i>	.R	Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực (nhân lực, vật lực, trí lực) của các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường khi tổ chức hoạt động trải nghiệm ở nhà trường
			Lí luận dạy học hiện đại	R	CLO1: Trình bày quá trình phát triển, đối tượng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản và các mô hình của lý luận dạy học CLO2: Vận dụng các lí thuyết học tập, các chiến lược học tập và các lí thuyết giáo dục trong dạy học CLO3: Vận dụng các đặc trưng của dạy học theo tiếp cận phát triển năng lực về mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện và đánh giá học sinh vào dạy học
	PI3.2. Quản lí được các hoạt động đổi mới dạy học và giáo dục môn Địa lí		Lí luận dạy học hiện đại	R	CLO1: Trình bày quá trình phát triển, đối tượng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản và các mô hình của lý luận dạy học CLO3: Vận dụng các đặc trưng của dạy học theo tiếp cận phát triển năng lực về mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện và đánh giá học sinh vào dạy học
		Tiếp cận năng lực trong phát triển chương trình giáo dục môn Địa lí	R	CLO1: Thể hiện kiến thức và hiểu biết về bản chất, nguyên tắc và quy trình phát triển chương trình giáo dục theo tiếp cận năng lực	
		<i>Quản trị hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường</i>	M	Phân tích được những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục (QLGD): khái niệm quản lý và QLGD; các lý thuyết QL và QLGD; tính chất và đặc điểm của QLGD; các trụ cột và các nguyên tắc của QLGD; các phương pháp và công cụ QLGD; các chức năng và chu trình QLGD. - Phân tích được các vấn đề chung về quản trị hoạt động dạy học trong nhà trường: quản trị mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, điều kiện, phương tiện dạy học, kiểm tra-đánh giá kết quả dạy học.	
		<i>Phát triển năng lực học sinh trong dạy học bộ môn</i>	.R	Quản lý được hoạt động dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.	

			<i>Quản lí lớp học hiệu quả</i>	.M	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm, đặc điểm và các nguyên tắc quản lí lớp học. - Nhận diện được các vấn đề về hành vi của học sinh. Đánh giá được hoạt động quản lí lớp học của giáo viên. Đề xuất được các biện pháp quản lí lớp học hiệu quả phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của học sinh và thực tiễn của nhà trường. - Xây dựng được môi trường vật chất (không gian lớp học) hiệu quả. - Xây dựng được môi trường tâm lý tích cực trong lớp học.
			<i>Giáo dục quốc tế và so sánh</i>	.M,A	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được ít nhất 01 nghiên cứu trong từng hướng nghiên cứu của GDQT&SS, phân tích và đánh giá được cách tiếp cận trong nghiên cứu đó. Đánh giá được giá trị của nghiên cứu đó đối với giáo dục. - Mô tả và phân tích được các xu thế phát triển giáo dục trên thế giới hiện nay, đối chiếu và nhận diện được các xu thế phát triển giáo dục Việt Nam. - Phân tích, so sánh cấu trúc hệ thống giáo dục quốc dân và mô hình nhà trường của ít nhất 02 quốc gia trên thế giới, đối chiếu với hệ thống giáo dục quốc dân và mô hình nhà trường Việt Nam. - Phân tích, so sánh chương trình giáo dục hoặc chương trình môn học của ít nhất 01 quốc gia trên thế giới với chương trình giáo dục tương ứng ở Việt Nam. - Phân tích, so sánh ít nhất 01 chính sách phát triển giáo dục của ít nhất 01 quốc gia trên thế giới với chính sách tương ứng ở Việt Nam. - Phân tích, so sánh hệ thống đào tạo giáo viên của ít nhất 02 quốc gia trên thế giới, đối chiếu với hệ thống đào tạo giáo viên ở Việt Nam.
PLO4	PLO4. Xây dựng và phát triển chương trình giáo dục môn Địa lí theo hướng phát	PI4.1. Phân tích kế hoạch giáo dục nhà trường	Tiếp cận năng lực trong phát triển chương trình giáo dục môn Địa lí	M,A	CLO2: Phát triển kế hoạch dạy học Địa lí gắn với đặc bối cảnh và những yêu cầu từ thực tiễn dạy học
			Đánh giá trong dạy học Địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	R	CLO2: Phát hiện và giải quyết được các vấn đề liên quan đến thực tiễn đánh giá trong dạy học địa lí và đề xuất hướng cải tiến giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học

	triển phẩm chất, năng lực người học		<i>Công nghệ giáo dục</i>	.I	Phân tích được các khía cạnh của phương tiện với tư cách là một thành phần của Công nghệ dạy học
		PI4.2. Phát triển chương trình giáo dục môn Địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	Tiếp cận năng lực trong phát triển chương trình giáo dục môn Địa lí	M,A	CLO2: Phát triển kế hoạch dạy học Địa lí gắn với đặc bối cảnh và những yêu cầu từ thực tiễn dạy học
			<i>Công nghệ giáo dục</i>	.I	Trình bày được xu thế phát triển và ứng dụng được các công nghệ trong dạy học.
		PI4.3. Thiết kế nội dung giáo dục Địa lí địa phương theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	<i>Hoạt động trải nghiệm ở trường trung học</i>	.M,A	- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực (nhân lực, vật lực, trí lực) của các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường khi tổ chức hoạt động trải nghiệm ở nhà trường - Vận dụng được tri thức học phần để phát hiện mâu thuẫn trong quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm; đánh giá hiệu quả các hoạt động trải nghiệm ở trường nhà trường hiện nay.
			Tiếp cận năng lực trong phát triển chương trình giáo dục môn Địa lí	M,A	CLO3: Thiết kế nội dung giáo dục địa phương gắn với môn học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học
PLO5	PLO5. Thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học ở các cơ sở giáo dục	PI5.1.Đề xuất được các vấn đề nghiên cứu trong dạy học và giáo dục	Lí luận dạy học hiện đại	I	CLO4: Làm việc độc lập và theo nhóm, tư duy sáng tạo để phát hiện, giải quyết và trình bày các vấn đề liên quan đến lí luận dạy học
			<i>Định tính và định lượng trong nghiên cứu khoa học giáo dục</i>	M,A	Đề xuất được bộ công cụ thu thập dữ liệu nghiên cứu định lượng và định tính
			Luận văn tốt nghiệp	M,A	CLO2: Xác định và điều tra một vấn đề nghiên cứu
		PI5.2. Lập kế hoạch và triển khai được hoạt động nghiên cứu	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	R	CLO1: Giải quyết được các vấn đề phức tạp trong thực tiễn dạy học bộ môn CLO2: Đề xuất được các sáng kiến để nâng cao hiệu quả dạy học bộ môn

		cứu trong dạy học và giáo dục	<i>Định tính và định lượng trong nghiên cứu khoa học giáo dục</i>	M,A	Triển khai được các hoạt động nghiên cứu định lượng và định tính trong giáo dục và dạy học bộ môn.	
			<i>Ứng dụng GIS nâng cao trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	.R	Vận dụng hệ thống thông tin địa lý GIS và các dữ liệu liên quan vào công tác dạy học và nghiên cứu khoa học	
			Luận văn tốt nghiệp	M,A	CLO3: Áp dụng thiết kế nghiên cứu thích hợp và các phương pháp liên quan một cách nghiêm ngặt CLO4: Tiến hành dự án nghiên cứu một cách có đạo đức	
		PI5.3. Đánh giá và đề xuất được những sáng kiến, cải tiến và kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	M,A	CLO1: Giải quyết được các vấn đề phức tạp trong thực tiễn dạy học bộ môn CLO2: Đề xuất được các sáng kiến để nâng cao hiệu quả dạy học bộ môn	
				<i>Định tính và định lượng trong nghiên cứu khoa học giáo dục</i>	R	<i>Đánh giá và đề xuất được các sáng kiến, cải tiến mang tính chuyên gia trong nghiên cứu định lượng và định tính</i>
				Luận văn tốt nghiệp	M,A	CLO5: Rút ra kết luận thích hợp và chỉ ra ý nghĩa của những phát hiện đối với thực hành và nghiên cứu giáo dục
				PLO6	PI 6.1. Ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin nghiên cứu và dạy học Địa lí	Chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học
Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	R	CLO3: Lập được kế hoạch triển khai những kết quả nghiên cứu vào dạy học bộ môn CLO4: Phát triển các kỹ năng giao tiếp, ứng xử phù hợp với quy định văn hóa học đường; có khả năng hợp tác và làm việc nhóm, dẫn dắt chuyên môn và kết nối kiến thức với đồng nghiệp và học sinh.				
<i>Công nghệ giáo dục</i>	.M	<i>Phân tích các ứng dụng của công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong quá trình dạy học</i>				

			<i>Địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội nâng cao</i>	.M	<i>CLO4: Vận dụng thành thạo các kỹ năng Địa lý như phân tích số liệu, kỹ năng bản đồ - biểu đồ... trong nghiên cứu và giảng dạy Địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội phục vụ công tác chuyên môn</i>
			<i>Ứng dụng GIS nâng cao trong dạy học Địa lý ở trường phổ thông</i>	.R,A	<i>Thành lập được bản đồ chuyên đề Địa lý và các biểu đồ phục vụ công tác dạy học địa lý</i>
			<i>Phát triển tư liệu dạy học Địa lý ở trường phổ thông</i>	.M,A	<i>CLO3: Ứng dụng hiệu quả CNTT để thiết kế tư liệu phục vụ hoạt động dạy học địa lý ở trường phổ thông</i>
			Dạy học số	M,A	Thiết kế được khoá học trực tuyến, khoá học kết hợp
		PI 6.2. Sử dụng ngoại ngữ theo trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	M,A	CLO3: Lập được kế hoạch triển khai những kết quả nghiên cứu vào dạy học bộ môn CLO4: Phát triển các kỹ năng giao tiếp, ứng xử phù hợp với quy định văn hóa học đường; có khả năng hợp tác và làm việc nhóm, dẫn dắt chuyên môn và kết nối kiến thức với đồng nghiệp và học sinh.
PLO7	PLO7. Thể hiện phẩm chất, đạo đức nhà giáo, phục vụ cộng đồng, tư duy sáng tạo, mức độ tự chủ và khả năng thích ứng với môi	PI7.1. Thể hiện được phẩm chất, tác phong nhà giáo, đạo đức nghiên cứu và phục vụ cộng đồng	Triết học	R	CLO1: Phân tích được các thế giới quan khác nhau trong lịch sử triết học; nhận diện được tính khoa học, cách mạng của thế giới quan duy vật biện chứng; Vận dụng được phép biện chứng duy vật trong nhận thức khoa học và hoạt động thực tiễn CLO2: Vận dụng được phép biện chứng duy vật trong nhận thức khoa học và hoạt động thực tiễn CLO4: Phân tích được đời sống tinh thần của xã hội; nội dung triết học con người CLO5: Phê phán các quan điểm sai trái; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam
			Giáo dục vì sự phát triển bền vững	R	Tư vấn trong công tác tổ chức giáo dục vì sự phát triển bền vững

trường làm việc thay đổi.		<i>Hoạt động trải nghiệm ở trường trung học</i>	.M	<i>Tích cực trong các hoạt động học tập và rèn luyện nhân cách người giáo viên</i>
		<i>Quản lí lớp học hiệu quả</i>	.M	- <i>Xây dựng được môi trường vật chất (không gian lớp học) hiệu quả.</i> - <i>Xây dựng được môi trường tâm lý tích cực trong lớp học.</i>
		<i>Công nghệ giáo dục</i>	.I	- <i>Phân tích và lựa chọn được các ứng dụng của công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong quá trình dạy học</i> - <i>Phân tích được quy trình phát triển và vận dụng được các ứng dụng vào dạy học dựa trên công nghệ</i>
		Luận văn tốt nghiệp	M,A	CLO4: Tiến hành dự án nghiên cứu một cách có đạo đức
		Lí luận dạy học hiện đại	R	CLO4: Làm việc độc lập và theo nhóm, tư duy sáng tạo để phát hiện, giải quyết và trình bày các vấn đề liên quan đến lí luận dạy học
		Tiếp cận năng lực trong phát triển chương trình giáo dục môn Địa lí	R	CLO4: Thể hiện được tư duy phản biện, sáng tạo, kĩ năng làm việc nhóm trong việc giải quyết vấn đề
		<i>Phát triển tư liệu dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	.R	CLO4: Thể hiện được tư duy sáng tạo, kĩ năng làm việc nhóm trong việc giải quyết vấn đề
	PI7.2. Thể hiện mức độ thích ứng, tự chủ, sáng tạo trong truyền đạt tri thức, hướng dẫn	Chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học	R	Người học có khả năng thể hiện tư duy phản biện và lập luận logic; kĩ năng tự học và nghiên cứu, làm việc nhóm, trình bày và thuyết trình vấn đề
		Lí luận dạy học hiện đại	R,A	CLO4: Làm việc độc lập và theo nhóm, tư duy sáng tạo để phát hiện, giải quyết và trình bày các vấn đề liên quan đến lí luận dạy học

		đồng nghiệp phát triển năng lực chuyên môn nghịệp vụ.	Giáo dục vì sự phát triển bền vững	R	Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm một cách có hiệu quả thông qua việc chuẩn bị, thảo luận, thuyết trình nhóm về những nội dung cụ thể trong học phần. Thích ứng, tự chủ, sáng tạo trong truyền đạt tri thức, hướng dẫn đồng nghiệp phát triển năng lực chuyên môn nghịệp vụ.
		Luận văn tốt nghiệp	M,A	CLO6: Báo cáo nghiên cứu theo kiểu học thuật phù hợp với lĩnh vực chuyên môn	
		<i>Định tính và định lượng trong nghiên cứu khoa học giáo dục</i>	.R	Thể hiện được mức độ tự chủ, tự tin và sáng tạo trong báo cáo, thuyết trình	
		<i>Địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội nâng cao</i>	.R	CLO3: Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm một cách có hiệu quả thông qua việc chuẩn bị/thảo luận/thuyết trình nhóm về những nội dung cụ thể trong học phần.	
		<i>Quản trị hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường</i>	M	Đề xuất được các biện pháp quản trị hoạt động giáo dục học sinh trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay. Thái độ chủ động, tích cực tham gia các hoạt động QLGD; rèn luyện các phẩm chất và năng lực của nhà quản lý giáo dục.	
		Phát triển tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông	R	Thể hiện tư duy phản biện và lập luận logic; kỹ năng tự học, làm việc nhóm, trình bày và thuyết trình vấn đề	

2. ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ỨNG DỤNG

Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Mức độ đáp ứng	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
PLO1. Vận dụng kiến thức chuyên sâu của khoa học liên ngành và khoa học giáo dục vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục Địa lí ở các cơ sở giáo dục	PI1.1. Vận dụng được kiến thức khoa học liên ngành chuyên sâu vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục Địa lí	Triết học	R,A	CLO3: Đánh giá được giá trị khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế- xã hội đối với quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
		Đánh giá trong giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	M	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu, cập nhật về đánh giá trong giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học
		Thực tập	R	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu, cập nhật về thiết kế, phân tích, đánh giá bài dạy học vật lý theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.
		Đồ án tốt nghiệp	R	Thực hiện thành thực quy trình nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng để cải tiến hoạt động dạy học và giáo dục địa lí
		Địa lí tự nhiên và kinh tế - xã hội nâng cao	M,A	CLO1: Phân tích các vấn đề của các thể tổng hợp tự nhiên, các quy luật địa lý chung và phân vùng địa lý tự nhiên hiện đại, các vấn đề của địa lý kinh tế - xã hội đương đại, đo lường và đánh giá phát triển kinh tế CLO2: Vận dụng những kiến thức địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội để xây dựng kế hoạch giảng dạy và áp dụng vào nghiên cứu khoa học Địa lí
		<i>Giáo dục vì sự phát triển bền vững</i>	.R	Vận dụng được cách thức lồng ghép và hình thức tổ chức giáo dục vì sự phát triển bền vững vào dạy học, quá trình giáo dục vì sự phát triển bền vững trong trường học
		<i>Ứng dụng GIS nâng cao trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	.R	Hiểu được các kiến thức cơ bản về bản đồ số, các thành phần và các nguyên lý của hệ thống thông tin địa lý

<p>PI1.2.Vận dụng được kiến thức khoa học giáo dục chuyên sâu vào giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục Địa lí</p>	Chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học	R	CLO1: Trình bày được các vấn đề chung của dạy học phát triển phẩm chất, năng lực
	Lí luận dạy học hiện đại	R,A	CLO2: Vận dụng các lí thuyết học tập, các chiến lược học tập và các lí thuyết giáo dục trong dạy học CLO3: Vận dụng các đặc trưng của dạy học theo tiếp cận phát triển năng lực về mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện và đánh giá học sinh vào dạy học
	Đánh giá trong giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	I	Phát triển được các kĩ năng giao tiếp, dẫn dắt chuyên môn hỗ trợ đồng nghiệp, có tinh thần trách nhiệm, trung thực, chủ động tại các cơ sở giáo dục và đào tạo
	Dạy học Địa lí ở trường phổ thông theo tiếp cận phát triển năng lực	R	CLO1: Phân tích được bản chất, thách thức và biện pháp thúc đẩy dạy học phát triển các năng lực Địa lí ở trường phổ thông
	Thực tập	M,A	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu, cập nhật về thiết kế, phân tích, đánh giá bài dạy học vật lý theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.
	<i>Giáo dục quốc tế và so sánh</i>	.R	- Mô tả và phân tích được các xu thế phát triển giáo dục trên thế giới hiện nay, đối chiếu và nhận diện được các xu thế phát triển giáo dục Việt Nam. - Phân tích, so sánh chương trình giáo dục hoặc chương trình môn học của ít nhất 01 quốc gia trên thế giới với chương trình giáo dục tương ứng ở Việt Nam. - Phân tích, so sánh ít nhất 01 chính sách phát triển giáo dục của ít nhất 01 quốc gia trên thế giới với chính sách tương ứng ở Việt Nam. - Phân tích, so sánh hệ thống đào tạo giáo viên của ít nhất 02 quốc gia trên thế giới, đối chiếu với hệ thống đào tạo giáo viên ở Việt Nam.
	<i>Hoạt động trải nghiệm ở trường trung học</i>	.R	Phân tích được những vấn đề cơ bản về tiếp cận trải nghiệm trong dạy học và tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở nhà trường

		<i>Phát triển tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	.R	CLO1: Hiểu được bản chất, tầm quan trọng của tư duy phản biện đối với việc giáo dục và phát triển nhân cách của học sinh
		<i>Phát triển tư liệu dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	.R	CLO1: Thể hiện kiến thức và hiểu biết về các lý thuyết thiết kế sư phạm và các công cụ để thiết kế tư liệu dạy học Địa lí ở trường phổ thông
		<i>Dạy học phân hoá trong môn Địa lí ở trường phổ thông</i>	.R	CLO1: Thể hiện kiến thức và hiểu biết về bản chất, các nguyên tắc và hình thức dạy học phân hóa trong môn Địa lí ở trường phổ thông
		<i>Giáo dục vì sự phát triển bền vững</i>	.R,A	Phân tích được mối tương quan giữa giáo dục và phát triển bền vững, các nội dung cơ bản và chiến lược thực hiện giáo dục vì sự phát triển bền vững, những ảnh hưởng của giáo dục phát triển bền vững đối với sự phát triển kinh tế xã hội.
PLO2. Thiết kế các hoạt động dạy học và giáo dục môn Địa lí phát triển phẩm chất, năng lực người học.	PI2.1. Lựa chọn được phương pháp dạy học hiệu quả phát triển phẩm chất và năng lực của người học	Chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học	M,A	CLO3: Lựa chọn, sử dụng được các chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh
		<i>Hoạt động trải nghiệm ở trường trung học</i>	.R	Thiết kế được kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và hoạt động dạy học trải nghiệm ở nhà trường
		Thực tập	M	Nghiên cứu và giải quyết được các vấn đề liên quan đến thực tiễn giáo dục, đề xuất các hướng thiết kế, phân tích, đánh giá bài dạy học vật lý theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học.
		Lí luận dạy học hiện đại	R,A	CLO3: Vận dụng các đặc trưng của dạy học theo tiếp cận phát triển năng lực về mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện và đánh giá học sinh vào dạy học

	Dạy học Địa lí ở trường phổ thông theo tiếp cận phát triển năng lực	M,A	CLO2: Vận dụng được các chiến lược và phương pháp dạy học để phát triển các năng lực địa lí cho học sinh phổ thông
	<i>Phát triển tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	.R,A	CLO2: Vận dụng được các chiến lược dạy học phù hợp để phát triển tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học Địa lí
	<i>Dạy học phân hoá trong môn Địa lí ở trường phổ thông</i>	.M,A	CLO2: Vận dụng thành thạo các chiến lược, biện pháp để thực hiện dạy học phân hoá trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông
PI2.2. Thiết kế được các công cụ đánh giá và cải tiến hoạt động dạy học và giáo dục môn Địa lí	Lí luận dạy học hiện đại	R	CLO3: Vận dụng các đặc trưng của dạy học theo tiếp cận phát triển năng lực về mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện và đánh giá học sinh vào dạy học
	Dạy học số	R	Số hoá được các nội dung dạy học phù hợp với ngành học
	Thực tập	M	Thiết kế được các kế hoạch, xây dựng được các bảng kiểm và phiếu quan sát để phân loại, đánh giá người học; trên cơ sở đó xây dựng và cải tiến kế hoạch dạy học, giáo dục người học.
	Đánh giá trong giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	M,A	Phát hiện và giải quyết được các vấn đề liên quan đến thực tiễn giáo dục, xây dựng các công cụ và đề xuất hướng sử dụng để đánh giá và cải tiến trọng giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học.
	Chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học	R	CLO2: Phân tích được các chiến lược dạy học, giáo dục cơ bản như: Chiến lược thu nhận và xử lí thông tin từ học liệu, chiến lược học tập hợp tác, chiến lược tổ chức cho học sinh trình bày báo cáo và viết; chiến lược phản hồi và phát triển tư duy phản biện; chiến lược hỗ trợ người học có nhu cầu đặc biệt
	<i>Công nghệ giáo dục</i>	.R	Phân tích các ứng dụng của công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong quá trình dạy học
	<i>Phát triển tư liệu dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	.M,A	CLO3: Ứng dụng hiệu quả CNTT để thiết kế tư liệu phục vụ hoạt động dạy học địa lí ở trường phổ thông

		<i>Ứng dụng GIS nâng cao trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	.R	Thành lập được bản đồ chuyên đề Địa lí và các biểu đồ phục vụ công tác dạy học địa lý
PI2.3. Xây dựng linh hoạt kế hoạch dạy học và giáo dục môn Địa lí phát triển phẩm chất, năng lực người học		<i>Hoạt động trải nghiệm ở trường trung học</i>	.R	- Tổ chức thực hiện được kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp và hoạt động dạy học trải nghiệm ở nhà trường - Xây dựng được kế hoạch đánh giá; thiết kế phương pháp, công cụ đánh giá; tổ chức thực hiện đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá hoạt động trải nghiệm trong quá trình giáo dục học sinh ở nhà trường
		Thực tập	M,A	- Nghiên cứu và giải quyết được các vấn đề liên quan đến thực tiễn giáo dục, đề xuất các hướng thiết kế, phân tích, đánh giá bài dạy học vật lý theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học
		Chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học	R	CLO3: Lựa chọn, sử dụng được các chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực học sinh
		Dạy học Địa lí ở trường phổ thông theo tiếp cận phát triển năng lực	M,A	CLO3: Thiết kế được các loại kế hoạch dạy học khác nhau đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học địa lí theo hướng phát triển năng lực học sinh
		<i>Phát triển tư liệu dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	.R	CLO2: Vận dụng được các mô hình thiết kế sơ phạm để phân tích, đánh giá nhu cầu thiết kế tư liệu trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông
		<i>Phát triển tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	.M,A	CLO3: Thiết kế được các hoạt động dạy học và kế hoạch bài dạy với các hoạt động đòi hỏi tư duy phản biện
		<i>Dạy học phân hoá trong môn Địa lí ở trường phổ thông</i>	.M,A	CLO3: Thiết kế kế hoạch dạy học Địa lí ở trường phổ thông theo quan điểm dạy học phân hoá
PI2.4. Điều chỉnh được kế hoạch dạy học và giáo dục Địa lí		Đánh giá trong giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	R	Thiết kế được các công cụ kiểm tra, xây dựng được các bảng kiểm và phiếu quan sát để phân loại, đánh giá người học; trên cơ sở đó xây dựng và cải tiến kế hoạch dạy học, giáo dục người học.

	phát triển phẩm chất, năng lực người học	Thực tập	M,A	Có kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo, có khả năng vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học để thiết kế bài dạy học vật lý theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực.
		Phát triển chương trình giáo dục	R	Phát triển được chương trình giáo dục môn học phù hợp với điều kiện của nhà trường phổ thông; Thiết kế nội dung giáo dục địa phương gắn với môn học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.
PLO3. Quản trị các hoạt động dạy học và giáo dục môn Địa lí ở các cơ sở giáo dục.	PI3.1. Tổ chức được các hoạt động đổi mới dạy học và giáo dục môn Địa lí	Đánh giá trong giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	R	Phát triển được các kỹ năng giao tiếp, dẫn dắt chuyên môn hỗ trợ đồng nghiệp, có tinh thần trách nhiệm, trung thực, chủ động tại các cơ sở giáo dục và đào tạo
		Dạy học số	M	Ứng dụng được công nghệ số để tổ chức dạy học trực tuyến, khoá học kết hợp
		Lí luận dạy học hiện đại	R	CLO1: Trình bày quá trình phát triển, đối tượng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản và các mô hình của lý luận dạy học CLO2: Vận dụng các lý thuyết học tập, các chiến lược học tập và các lý thuyết giáo dục trong dạy học CLO3: Vận dụng các đặc trưng của dạy học theo tiếp cận phát triển năng lực về mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện và đánh giá học sinh vào dạy học
		Thực tập	M,A	Thiết kế được các kế hoạch, xây dựng được các bảng kiểm và phiếu quan sát để phân loại, đánh giá người học; trên cơ sở đó xây dựng và cải tiến kế hoạch dạy học, giáo dục người học.
		<i>Công nghệ giáo dục</i>	.R,A	Phân tích được quy trình phát triển và vận dụng được các ứng dụng vào dạy học dựa trên công nghệ

		<i>Quản trị hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường</i>	.M,A	<ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra được các nhận định khách quan về thực tiễn quản trị hoạt động dạy học trong nhà trường Việt Nam hiện nay về các mặt: quản trị mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, điều kiện, phương tiện dạy học, kiểm tra-đánh giá kết quả dạy học. - Đề xuất được các biện pháp quản trị hoạt động dạy học trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay. - Phân tích được các vấn đề chung về quản trị hoạt động giáo dục trong nhà trường: quản trị mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, điều kiện, phương tiện, các lực lượng giáo dục, kiểm tra-đánh giá kết quả giáo dục. - Đưa ra được các nhận định khách quan về thực tiễn quản trị hoạt động giáo dục trong nhà trường Việt Nam hiện nay về các mặt: quản trị mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, điều kiện, phương tiện, các lực lượng giáo dục, kiểm tra-đánh giá kết quả giáo dục. - Đề xuất được các biện pháp quản trị hoạt động giáo dục học sinh trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.
		<i>Quản lí lớp học hiệu quả</i>	.M,A	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm, đặc điểm và các nguyên tắc quản lý lớp học. - Nhận diện được các vấn đề về hành vi của học sinh. - Đánh giá được hoạt động quản lý lớp học của giáo viên. - Đề xuất được các biện pháp quản lý lớp học hiệu quả phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của học sinh và thực tiễn của nhà trường. - Xây dựng được môi trường vật chất (không gian lớp học) hiệu quả. - Xây dựng được môi trường tâm lý tích cực trong lớp học.
		<i>Hoạt động trải nghiệm ở trường trung học</i>	.R	Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực (nhân lực, vật lực, trí lực) của các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường khi tổ chức hoạt động trải nghiệm ở nhà trường
PI3.2. Quản lí được các hoạt động đổi mới dạy học và giáo dục môn Địa lí		Lí luận dạy học hiện đại	R	<p>CLO1: Trình bày quá trình phát triển, đối tượng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản và các mô hình của lý luận dạy học</p> <p>CLO3: Vận dụng các đặc trưng của dạy học theo tiếp cận phát triển năng lực về mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện và đánh giá học sinh vào dạy học</p>

		<i>Quản trị hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường</i>	.M	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục (QLGD): khái niệm quản lý và QLGD; các lý thuyết QL và QLGD; tính chất và đặc điểm của QLGD; các trụ cột và các nguyên tắc của QLGD; các phương pháp và công cụ QLGD; các chức năng và chu trình QLGD. - Phân tích được các vấn đề chung về quản trị hoạt động dạy học trong nhà trường: quản trị mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, điều kiện, phương tiện dạy học, kiểm tra-đánh giá kết quả dạy học.
		Thực tập	M,A	Phát triển được các kỹ năng giao tiếp, dẫn dắt chuyên môn hỗ trợ đồng nghiệp, có tinh thần trách nhiệm, trung thực, chủ động xây dựng kế hoạch dạy học
		<i>Quản lí lớp học hiệu quả</i>	M	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm, đặc điểm và các nguyên tắc quản lý lớp học. - Nhận diện được các vấn đề về hành vi của học sinh. - Đánh giá được hoạt động quản lý lớp học của giáo viên. - Đề xuất được các biện pháp quản lý lớp học hiệu quả phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của học sinh và thực tiễn của nhà trường. - Xây dựng được môi trường vật chất (không gian lớp học) hiệu quả. - Xây dựng được môi trường tâm lý tích cực trong lớp học.

		<i>Giáo dục quốc tế và so sánh</i>	.M,A	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả và phân tích được các xu thế phát triển giáo dục trên thế giới hiện nay, đối chiếu và nhận diện được các xu thế phát triển giáo dục Việt Nam. - Phân tích, so sánh cấu trúc hệ thống giáo dục quốc dân và mô hình nhà trường của ít nhất 02 quốc gia trên thế giới, đối chiếu với hệ thống giáo dục quốc dân và mô hình nhà trường Việt Nam. - Phân tích, so sánh chương trình giáo dục hoặc chương trình môn học của ít nhất 01 quốc gia trên thế giới với chương trình giáo dục tương ứng ở Việt Nam. - Phân tích, so sánh ít nhất 01 chính sách phát triển giáo dục của ít nhất 01 quốc gia trên thế giới với chính sách tương ứng ở Việt Nam. - Phân tích, so sánh hệ thống đào tạo giáo viên của ít nhất 02 quốc gia trên thế giới, đối chiếu với hệ thống đào tạo giáo viên ở Việt Nam.
		Phát triển chương trình giáo dục	R	Phát triển được chương trình giáo dục môn học phù hợp với điều kiện của nhà trường phổ thông.
PLO4. Xây dựng và phát triển chương trình giáo dục môn Địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	PI4.1. Phân tích kế hoạch giáo dục nhà trường	Phát triển chương trình giáo dục	R	Phân tích được những nội dung cơ bản về phát triển chương trình giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học; Phân tích được quy trình xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, quy trình phát triển chương trình giáo dục môn học, nội dung giáo dục địa phương trong CTGDPT 2018 và mối liên hệ giữa chúng.
		Đánh giá trong giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	I	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu, cập nhật về đánh giá trong giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.
		Dạy học Địa lí ở trường phổ thông theo tiếp cận phát triển năng lực	R	CLO4: Phân tích được các kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển năng lực người học ở trường phổ thông
		<i>Công nghệ giáo dục</i>	.I	Phân tích được các khía cạnh của phương tiện với tư cách là một thành phần của Công nghệ dạy học
	PI4.2. Phát triển chương trình giáo dục	Phát triển chương trình giáo dục	M,A	Phát triển được chương trình giáo dục môn học phù hợp với điều kiện của nhà trường phổ thông.

	dục môn Địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	Thực tập	M	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu, cập nhật về thiết kế, phân tích, đánh giá bài dạy học vật lý theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.
		<i>Công nghệ giáo dục</i>	.I	Trình bày được xu thế phát triển và ứng dụng được các công nghệ trong dạy học.
	PI4.3. Thiết kế nội dung giáo dục Địa lí địa phương theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	<i>Hoạt động trải nghiệm ở trường trung học</i>	.M,A	- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực (nhân lực, vật lực, trí lực) của các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường khi tổ chức hoạt động trải nghiệm ở nhà trường - Vận dụng được tri thức học phần để phát hiện mâu thuẫn trong quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm; đánh giá hiệu quả các hoạt động trải nghiệm ở trường nhà trường hiện nay.
	Phát triển chương trình giáo dục	M,A	Thiết kế nội dung giáo dục địa phương gắn với môn học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.	
PLO5. Ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn dạy học và giáo dục.	PI5.1. Phát hiện được các vấn đề nảy sinh từ thực tiễn dạy học và giáo dục	Lí luận dạy học hiện đại	I	CLO4: Làm việc độc lập và theo nhóm, tư duy sáng tạo để phát hiện, giải quyết và trình bày các vấn đề liên quan đến lí luận dạy học
		Đồ án tốt nghiệp	M,A	Phát hiện được các vấn đề nảy sinh từ thực tiễn dạy học và giáo dục môn Địa lí
	PI5.2. Ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn dạy học và giáo dục	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	R	CLO1: Giải quyết được các vấn đề phức tạp trong thực tiễn dạy học bộ môn CLO2: Đề xuất được các sáng kiến để nâng cao hiệu quả dạy học bộ môn
		Đồ án tốt nghiệp	M,A	Thực hiện thành thực quy trình nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng để cải tiến hoạt động dạy học và giáo dục địa lí
		<i>Ứng dụng GIS nâng cao trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	.R	Vận dụng hệ thống thông tin địa lý GIS và các dữ liệu liên quan vào công tác dạy học và nghiên cứu khoa học
	PI5.3. Đề xuất được những sáng kiến trong giáo dục môn Địa lí	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	M,A	CLO1: Giải quyết được các vấn đề phức tạp trong thực tiễn dạy học bộ môn CLO2: Đề xuất được các sáng kiến để nâng cao hiệu quả dạy học bộ môn
Đánh giá trong giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học		R	<i>Sử dụng</i> được các công cụ thống kê để thu thập và phân tích các chỉ số thống kê về độ khó, độ giá trị và độ tin cậy... của các công cụ dung trong	

				kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục người học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực. .
		Đồ án tốt nghiệp	M,A	Đề xuất được những sáng kiến để nâng cao hiệu quả dạy học và giáo dục môn Địa lí
		Thực tập	M	Có kĩ năng mềm, tư duy sáng tạo, có khả năng vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học để thiết kế bài dạy học vật lý theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực.
PLO6. Ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong lĩnh vực nghề nghiệp.	PI 6.1. Ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin trong nghiên cứu và dạy học Địa lí.	Chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học	R	CLO2: Phân tích được các chiến lược dạy học, giáo dục cơ bản như: Chiến lược thu nhận và xử lí thông tin từ học liệu, chiến lược học tập hợp tác, chiến lược tổ chức cho học sinh trình bày báo cáo và viết; chiến lược phản hồi và phát triển tư duy phản biện; chiến lược hỗ trợ người học có nhu cầu đặc biệt
		Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	R	CLO3: Lập được kế hoạch triển khai những kết quả nghiên cứu vào dạy học bộ môn CLO4: Phát triển các kĩ năng giao tiếp, ứng xử phù hợp với quy định văn hóa học đường; có khả năng hợp tác và làm việc nhóm, dẫn dắt chuyên môn và kết nối kiến thức với đồng nghiệp và học sinh.
		<i>Công nghệ giáo dục</i>	.M	Phân tích các ứng dụng của công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong quá trình dạy học
		Đồ án tốt nghiệp	R	Đề xuất được những sáng kiến để nâng cao hiệu quả dạy học và giáo dục môn địa lí
		Đánh giá trong giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	I	<i>Sử dụng</i> được các công cụ thống kê để thu thập và phân tích các chỉ số thống kê về độ khó, độ giá trị và độ tin cậy... của các công cụ dung trong kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục người học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực. .
		Thực tập	M	Có kĩ năng mềm, tư duy sáng tạo, có khả năng vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học để thiết kế bài dạy học vật lý theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực.
		Địa lý tự nhiên và kinh tế - xã hội nâng cao	M	CLO4: Vận dụng thành thạo các kĩ năng Địa lí như phân tích số liệu, kĩ năng bản đồ - biểu đồ... trong nghiên cứu và giảng dạy Địa lí tự nhiên và kinh tế - xã hội phục vụ công tác chuyên môn.

		Dạy học số	M,A	Thiết kế được khoá học trực tuyến, khoá học kết hợp
		<i>Phát triển tư liệu dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	.M,A	CLO3: Ứng dụng hiệu quả CNTT để thiết kế tư liệu phục vụ hoạt động dạy học địa lí ở trường phổ thông
		<i>Ứng dụng GIS nâng cao trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	.R	Thành lập được bản đồ chuyên đề Địa lý và các biểu đồ phục vụ công tác dạy học địa lý
	PI 6.2. Sử dụng ngoại ngữ theo trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	Đồ án tốt nghiệp	R,A	Đề xuất được những sáng kiến để nâng cao hiệu quả dạy học và giáo dục môn Địa lí.
		Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	M,A	CLO3: Lập được kế hoạch triển khai những kết quả nghiên cứu vào dạy học bộ môn CLO4: Phát triển các kỹ năng giao tiếp, ứng xử phù hợp với quy định văn hóa học đường; có khả năng hợp tác và làm việc nhóm, dẫn dắt chuyên môn và kết nối kiến thức với đồng nghiệp và học sinh.
		Thực tập	R	Có kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo, có khả năng vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học để thiết kế bài dạy học Địa lí theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực.
PLO7. Thể hiện phẩm chất, đạo đức nhà giáo, phục vụ cộng đồng, tư duy sáng tạo, mức độ tự chủ và khả năng thích ứng với môi trường	PI7.1. Thể hiện được phẩm chất, tác phong nhà giáo, đạo đức nghiên cứu và phục vụ cộng đồng.	Triết học	R	CLO1: Phân tích được các thế giới quan khác nhau trong lịch sử triết học; nhận diện được tính khoa học, cách mạng của thế giới quan duy vật biện chứng; Vận dụng được phép biện chứng duy vật trong nhận thức khoa học và hoạt động thực tiễn CLO2: Vận dụng được phép biện chứng duy vật trong nhận thức khoa học và hoạt động thực tiễn CLO4: Phân tích được đời sống tinh thần của xã hội; nội dung triết học con người CLO5: Phê phán các quan điểm sai trái; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam
		<i>Hoạt động trải nghiệm ở trường trung học</i>	.M	Tích cực trong các hoạt động học tập và rèn luyện nhân cách người giáo viên
		Thực tập	M,A	Phát triển được các kỹ năng giao tiếp, dẫn dắt chuyên môn hỗ trợ đồng nghiệp, có tinh thần trách nhiệm, trung thực, chủ động xây dựng kế hoạch dạy học

làm việc thay đổi.		Đồ án tốt nghiệp	M	Thể hiện được phẩm chất, tác phong nhà giáo, đạo đức nghiên cứu trong thực hiện đề tài.	
		Lí luận dạy học hiện đại	R	CLO4: Làm việc độc lập và theo nhóm, tư duy sáng tạo để phát hiện, giải quyết và trình bày các vấn đề liên quan đến lí luận dạy học	
		<i>Giáo dục vì sự phát triển bền vững</i>	.R	Tư vấn trong công tác tổ chức giáo dục vì sự phát triển bền vững.	
		<i>Phát triển tư liệu dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	.R	CLO4: Thể hiện được tư duy sáng tạo, kĩ năng làm việc nhóm trong việc giải quyết vấn đề	
	PI7.2. Thể hiện mức độ thích ứng, tự chủ, sáng tạo trong truyền đạt tri thức, hướng dẫn đồng nghiệp phát triển năng lực chuyên môn nghiệp vụ.		Chiến lược dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học	R	CLO4: Người học có khả năng thể hiện tư duy phản biện và lập luận logic; kỹ năng tự học và nghiên cứu, làm việc nhóm, trình bày và thuyết trình vấn đề
			Lí luận dạy học hiện đại	R,A	CLO4: Làm việc độc lập và theo nhóm, tư duy sáng tạo để phát hiện, giải quyết và trình bày các vấn đề liên quan đến lí luận dạy học
			Đồ án tốt nghiệp	M	Tự chủ, sáng tạo trong thực hiện đề tài, chủ động chia sẻ kết quả của đề tài để phục vụ cộng đồng và hỗ trợ đồng nghiệp.
			Đánh giá trong giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học	R	<i>Phát triển</i> được các kĩ năng giao tiếp, dẫn dắt chuyên môn hỗ trợ đồng nghiệp, có tinh thần trách nhiệm, trung thực, chủ động tại các cơ sở giáo dục và đào tạo
			Thực tập	M,A	- Thiết kế được các kế hoạch, xây dựng được các bảng kiểm và phiếu quan sát để phân loại, đánh giá người học; trên cơ sở đó xây dựng và cải tiến kế hoạch dạy học, giáo dục người học. - Phát triển được các kĩ năng giao tiếp, dẫn dắt chuyên môn hỗ trợ đồng nghiệp, có tinh thần trách nhiệm, trung thực, chủ động xây dựng kế hoạch dạy học
			Địa lí tự nhiên và kinh tế - xã hội nâng cao	R	CLO3: Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm một cách có hiệu quả thông qua việc chuẩn bị/thảo luận/thuyết trình nhóm về những nội dung cụ thể trong học phần.

		Phát triển chương trình giáo dục	R	Thiết kế nội dung giáo dục địa phương gắn với môn học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.
		<i>Quản trị hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường</i>	.M	- Đề xuất được các biện pháp quản trị hoạt động giáo dục học sinh trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay. - Thái độ chủ động, tích cực tham gia các hoạt động QLGD; rèn luyện các phẩm chất và năng lực của nhà quản lý giáo dục.
		<i>Phát triển tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông</i>	.R	CLO4: Thể hiện tư duy phản biện và lập luận logic; kỹ năng tự học, làm việc nhóm, trình bày và thuyết trình vấn đề
		<i>Dạy học phân hoá trong môn Địa lí ở trường phổ thông</i>	.R	CLO4: Làm việc độc lập và theo nhóm, tư duy sáng tạo để giải quyết các vấn đề liên quan đến dạy học phân hoá trong môn Địa lí
		<i>Giáo dục vì sự phát triển bền vững</i>	.R	Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm một cách có hiệu quả thông qua việc chuẩn bị, thảo luận, thuyết trình nhóm về những nội dung cụ thể trong học phần. Thích ứng, tự chủ, sáng tạo trong truyền đạt tri thức, hướng dẫn đồng nghiệp phát triển năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

PHỤ LỤC 5: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN

1. Danh sách giảng viên cơ hữu của chương trình đào tạo

STT	Họ và tên giảng viên	Học vị	Học hàm	Chuyên ngành	Email	Khoa/bộ môn	Học phần tham gia giảng dạy
1	Nguyễn Văn Thái 1988	Tiến sĩ		Lí luận và PPDH Địa lí	Nvthai@ued.udn.vn	Khoa Địa lí	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lí luận dạy học hiện đại 2. Đánh giá trong giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học 2. Phát triển chương trình giáo dục 3. PPDH địa lí phát triển phẩm chất, năng lực người học 4. Phát triển tài liệu dạy học địa lí ở trường trung học 5. Đánh giá vì hoạt động học tập trong dạy học địa lí ở trường trung học 6. Phát triển tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học địa lí ở trường trung học
2	TS. Đinh Thị Phượng	Tiến sĩ		Triết học	dtphuong@ued.udn.vn	Khoa Giáo dục chính trị	Triết học
3	GVC.TS. Vương Thị Bích Thủy	Tiến sĩ		Triết học	Vtbthuy@ued.udn.vn	Khoa Giáo dục chính trị	Triết học
4	GVC.TS. Dương Đình Tùng	Tiến sĩ		Triết học	Ddtung@ued.udn.vn	Khoa Giáo dục chính trị	Triết học

STT	Họ và tên giảng viên	Học vị	Học hàm	Chuyên ngành	Email	Khoa/bộ môn	Học phần tham gia giảng dạy
5	GVCC.PGS. Hoàng Bảo Thanh	Tiến sĩ	PGS	Vật lý	Nbhthanh@ued.udn.vn	Vật lí	Đánh giá trong giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học
6	GVCC.PGS. Nguyễn Thanh Hưng	Tiến sĩ	PGS	Lí luận và PPDH Toán	Nthung@ued.udn.vn	Giáo dục Tiểu học	1. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục
7	GVC.TS. Phùng Việt Hải	Tiến sĩ		Lí luận và PPDH Vật lí	Pvhai@ued.udn.vn	Vật lí	2. Phát triển chương trình giáo dục 3. Hoạt động trải nghiệm ở trường trung học
8	GVC.TS. Lê Thanh Huy	Tiến sĩ		Lí luận và PPDH Vật lí	Lthuy@ued.udn.vn	Vật lí	1. Dạy học số 2. Công nghệ dạy học
9	TS. Trần Văn Hưng	Tiến sĩ		Lí luận và PPDH Tin học	Tvchung@ued.udn.vn	Tin học	1. Dạy học số 2. Công nghệ dạy học 3. Dạy học tương tác ở trường trung học 4. Mô hình giáo dục thông minh và ứng dụng
10	GVCC.PGS. Trần Xuân Bách	Tiến sĩ	PGS	Giáo dục học	Txbach@ued.udn.vn		1. Quản trị nhà trường hướng tới phẩm phẩm chất, năng lực người học 2. Chiến lược quản lí lớp học 3. Giáo dục quốc tế và so sánh

STT	Họ và tên giảng viên	Học vị	Học hàm	Chuyên ngành	Email	Khoa/bộ môn	Học phần tham gia giảng dạy
11	GVCC.PGS. Lê Quang Sơn	Tiến sĩ	PGS	Giáo dục học	Lqson@ac.udn.vn		1. Quản trị nhà trường hướng tới phẩm phẩm chất, năng lực người học 2. Giáo dục quốc tế và so sánh
12	GVC.TS. Hoàng Nam Hải	Tiến sĩ		Lí luận và PPDH Toán	Hnhai@ued.udn.vn	Giáo dục Tiểu học	Dạy học tương tác ở trường trung học
13	GV.TS. Lê Mỹ Dung	Tiến sĩ		Giáo dục học	Lmdung@ued.udn.vn	Tâm lí Giáo dục	Chiến lược quản lí lớp học
14	GV.TS. Lê Thị Duyên	Tiến sĩ		Giáo dục học	Ltduyen@ued.udn.vn	Tâm lí Giáo dục	Hoạt động trải nghiệm ở trường trung học
15	TS. Trương Thị Thanh Mai	Tiến sĩ		Lí luận và PPDH Sinh học	tttmai@ued.udn.vn	Khoa Sinh Môi trường	1. Lí luận dạy học hiện đại 2. Đánh giá trong giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học 3. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục 4. Phát triển chương trình giáo dục
16	GVC.TS. Nguyễn Thanh Tường	Tiến sĩ		Môi trường và Phát triển bền vững	nttuong@ued.udn.vn	Khoa Địa lý	Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam

STT	Họ và tên giảng viên	Học vị	Học hàm	Chuyên ngành	Email	Khoa/bộ môn	Học phần tham gia giảng dạy
17	TS. Trần Thị Ân	Tiến sĩ		Quy hoạch đô thị	ttan@ued.udn.vn	Khoa Địa lý	1. Địa lí tự nhiên nâng cao 2. Ứng dụng GIS nâng cao trong dạy học địa lí
18	TS. Hoàng Thị Diệu Hương	Tiến sĩ		Địa lí học	htdhuong@ued.udn.vn	Khoa Địa lý	1. Địa lí tự nhiên nâng cao 2. Ứng dụng GIS nâng cao trong dạy học địa lí
19	TS. Trương Văn Cảnh	Tiến sĩ		Địa lí kinh tế - xã hội	Tvcanh@ued.udn.vn	Khoa Địa lý	1. Địa lí nhân văn đương đại 2. Tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế
20	TS. Nguyễn Phú Thắng	Tiến sĩ		Địa lí kinh tế - xã hội	Npthang@ued.udn.vn	Khoa Địa lý	1. Địa lí nhân văn đương đại 2. Tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế
21	TS. Trương Phước Minh	Tiến sĩ		Địa lí kinh tế - xã hội	Tpminh@ued.udn.vn	Khoa Địa lý	Ứng dụng GIS nâng cao trong dạy học địa lí
22	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	Tiến sĩ		Địa lí tự nhiên	Nttruong@ued.udn.vn		Địa lí tự nhiên nâng cao

2. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo

STT	Họ và tên giảng viên	Học vị	Học hàm	Chuyên ngành	Email	Khoa/bộ môn	Học phần tham gia giảng dạy
1	Nguyễn Văn Thái 1988	Tiến sĩ		Lí luận và PPDH Địa lí	Nvthai@ued.udn.vn	Khoa Địa lí	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lí luận dạy học hiện đại 2. Đánh giá trong giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học 2. Phát triển chương trình giáo dục 3. PPDH địa lí phát triển phẩm chất, năng lực người học 4. Phát triển tài liệu dạy học địa lí ở trường trung học 5. Đánh giá vì hoạt động học tập trong dạy học địa lí ở trường trung học 6. Phát triển tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học địa lí ở trường trung học
2	TS. Đinh Thị Phương	Tiến sĩ		Triết học	dtphuong@ued.udn.vn	Khoa Giáo dục chính trị	Triết học
3	GVC.TS. Vương Thị Bích Thủy	Tiến sĩ		Triết học	Vtbthuy@ued.udn.vn	Khoa Giáo dục chính trị	Triết học
4	GVC.TS. Dương Đình Tùng	Tiến sĩ		Triết học	Ddtung@ued.udn.vn	Khoa Giáo dục chính trị	Triết học
5	PGS.TS. Hoàng Bảo Thanh	Tiến sĩ	PGS	Vật lý	Nbhthanh@ued.udn.vn	Vật lí	Đánh giá trong giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học
6	PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng	Tiến sĩ	PGS	Lí luận và PPDH Toán	Nthung@ued.udn.vn	Giáo dục Tiểu học	1. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục

STT	Họ và tên giảng viên	Học vị	Học hàm	Chuyên ngành	Email	Khoa/bộ môn	Học phần tham gia giảng dạy
7	GVC.TS. Phùng Việt Hải	Tiến sĩ		Lí luận và PPDH Vật lí	Pvhai@ued.udn.vn	Vật lí	2. Phát triển chương trình giáo dục 3. Hoạt động trải nghiệm ở trường trung học
8	GVC.TS. Lê Thanh Huy	Tiến sĩ		Lí luận và PPDH Vật lí	Lthuy@ued.udn.vn	Vật lí	1. Dạy học số 2. Công nghệ dạy học
9	TS. Trần Văn Hưng	Tiến sĩ		Lí luận và PPDH Tin học	Tvchung@ued.udn.vn	Tin học	1. Dạy học số 2. Công nghệ dạy học 3. Dạy học tương tác ở trường trung học 4. Mô hình giáo dục thông minh và ứng dụng
10	GVCC.PGS. Trần Xuân Bách	Tiến sĩ	PGS	Giáo dục học	Txbach@ued.udn.vn		1. Quản trị nhà trường hướng tới phẩm phẩm chất, năng lực người học 2. Chiến lược quản lí lớp học 3. Giáo dục quốc tế và so sánh
11	GVCC.PGS. Lê Quang Sơn	Tiến sĩ	PGS	Giáo dục học	Lqson@ac.udn.vn	Đại học Đà Nẵng	1. Quản trị nhà trường hướng tới phẩm phẩm chất, năng lực người học 2. Giáo dục quốc tế và so sánh
12	GVC.TS. Hoàng Nam Hải	Tiến sĩ	-	Lí luận và PPDH Toán	Hnhai@ued.udn.vn	Giáo dục Tiểu học	Dạy học tương tác ở trường trung học
13	GV.TS. Lê Mỹ Dung	Tiến sĩ	-	Giáo dục học	Lmdung@ued.udn.vn	Tâm lí Giáo dục	Chiến lược quản lí lớp học
14	GV.TS. Lê Thị Duyên	Tiến sĩ	-	Giáo dục học	Ltduyen@ued.udn.vn	Tâm lí Giáo dục	Hoạt động trải nghiệm ở trường trung học

STT	Họ và tên giảng viên	Học vị	Học hàm	Chuyên ngành	Email	Khoa/bộ môn	Học phần tham gia giảng dạy
15	TS. Trương Thị Thanh Mai	Tiến sĩ	-	Lí luận và PPDH Sinh học	tttmai@ued.ued.vn	Khoa Sinh Môi trường	1. Lí luận dạy học hiện đại 2. Đánh giá trong giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học 3. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục 4. Phát triển chương trình giáo dục
16	GVC.TS. Nguyễn Thanh Tường	Tiến sĩ	-	Môi trường và Phát triển bền vững	nttuong@ued.udn.vn	Khoa Địa lý	Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam
17	TS. Hoàng Thị Diệu Hương	Tiến sĩ	-	Địa lí học	htdhuong@ued.udn.vn	Khoa Địa lý	1. Địa lí tự nhiên nâng cao 2. Ứng dụng GIS nâng cao trong dạy học địa lí
18	TS. Trương Văn Cảnh	Tiến sĩ	-	Địa lí kinh tế - xã hội	Tvcanh@ued.udn.vn	Khoa Địa lý	1. Địa lí nhân văn đương đại 2. Tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế
19	TS. Nguyễn Phú Thắng	Tiến sĩ	-	Địa lí kinh tế - xã hội	Npthang@ued.udn.vn	Khoa Địa lý	1. Địa lí nhân văn đương đại 2. Tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế
20	TS. Trương Phước Minh	Tiến sĩ	-	Địa lí kinh tế - xã hội	Tpminh@ued.udn.vn	Khoa Địa lý	Ứng dụng GIS nâng cao trong dạy học địa lí
21	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền	Tiến sĩ	-	Địa lí tự nhiên	Nttruong@ued.udn.vn	Khoa Địa lý	Địa lí tự nhiên nâng cao
22	TS. Nguyễn Văn An	Tiến sĩ	-		nvan@ued.udn.vn	Khoa Địa lý	Ứng dụng GIS nâng cao trong dạy học địa lí

3. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy chương trình đào tạo

STT	Họ và tên giảng viên	Học vị	Học hàm	Chuyên ngành	Email	Khoa/bộ môn	Kinh nghiệm giảng dạy	Học phần tham gia giảng dạy
1	PGS.TS. Đậu Thị Hòa	Tiến sĩ	PGS	Khoa học Giáo dục	hoaspdn.57@gmail.com	Khoa Du lịch, Đại học Đông Á	Khoa Địa lý, trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng	<ul style="list-style-type: none"> - PPDH địa lí phát triển phẩm chất, năng lực người học - Thực hành tổ chức dạy học Địa lí ở trường trung học - Phát triển tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học địa lí ở trường trung học
2	TS. Nguyễn Thị Việt Hà	Tiến sĩ	-	Lí luận và PPDH Địa lí	nguyenviethatl@gmail.com	Viện sư phạm – Đại học Vinh	Trường Đại học Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển tài liệu dạy học địa lí ở trường trung học - Đánh giá vì hoạt động học tập trong dạy học địa lí ở trường trung học - Phát triển tư duy phản biện cho học sinh trong dạy học địa lí ở trường trung học